

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *11052* /BTC-HCSN
V/v thẩm định dự thảo Nghị
định quy định cơ chế tự chủ tài
chính của đơn vị SNCL

Hà Nội, ngày *11* tháng 9 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/CP ngày 11/6/2019 phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 5 năm 2019, Bộ Tài chính được giao: *Nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ theo hướng quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập chung cho tất cả các lĩnh vực;*

Thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ về xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó Chính phủ thông qua lập đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản hướng dẫn; trên cơ sở ý kiến của Bộ Tư pháp tại công văn số 1051/BTP-PLDSKT ngày 24/3/2020, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo chi tiết nội dung Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP (gửi kèm).

Bộ Tài chính xin gửi Bộ Tư pháp để tổ chức thẩm định theo quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, HCSN(5b) *A*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO 11.9.2020

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị định quy định về cơ chế tự chủ tài chính
của đơn vị sự nghiệp công lập**

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-CP ngày ngày 11/6/2019 về phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 5 năm 2019 và Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ về xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL);

Thực hiện ý kiến kết luận của Lãnh đạo Chính phủ tại các Thông báo số 252/TB-VPCP ngày 22/7/2019 và số 14/TB-VPCP ngày 10/01/2020 của Văn phòng Chính phủ; Bộ Tài chính đã xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định), tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành địa phương (công văn số 2202/BTC-HCSN ngày 28/02/2020 và số 4489/BTC-HCSN ngày 14/4/2020) và đăng website lấy ý kiến rộng rãi theo quy định.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại báo cáo số/BC-BTP ngày/.../2020 Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo Nghị định và trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL, với các nội dung cơ bản sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Tại Tờ trình số 205/TTr-BTC ngày 27/12/2019 về đề nghị xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ về sự cần thiết ban hành Nghị định như sau:

(1) Thực hiện chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động của đơn vị SNCL, trọng tâm là cơ chế tự chủ tài chính nêu tại các Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09/11/2016 về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia

2016- 2020; Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị SNCL; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp;

(2) Đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và định hướng sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật liên quan (như Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật NSNN; Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên...);

(3) Đáp ứng nhu cầu thực tiễn của việc đổi mới cơ chế quản lý và đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công; khắc phục một số tồn tại hạn chế trong triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị SNCL, như chậm ban hành các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị SNCL theo các lĩnh vực và các văn bản hướng dẫn; việc phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí NSNN chưa gắn với cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, do thiếu các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá, giá... Đồng thời, việc nghiên cứu, ban hành Nghị định mới nhằm khắc phục tồn tại, hạn chế và đáp ứng yêu cầu thực tế về việc giao quyền tự chủ của đơn vị SNCL (về phân loại đơn vị tự chủ tài chính, cơ chế tiền lương, sử dụng chênh lệch thu chi, chi trả thu nhập tăng thêm, trích lập các Quỹ,...); đảm bảo quy định bao quát, thống nhất thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp trong từng lĩnh vực.

2. Trên cơ sở các lý do nêu trên, tại Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-TW đã giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; và Nghị quyết số 39/NQ-CP ngày 11/6/2019 về Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 5 năm 2019, Chính phủ đã giao Bộ Tài chính: *Nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ theo hướng quy định về cơ chế tự chủ về tài chính của đơn vị SNCL chung cho tất cả các lĩnh vực.*

3. Căn cứ Tờ trình số 205/TTr-BTC ngày 27/12/2019 của Bộ Tài chính, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 17/3/2020, theo đó: (i) *Chính phủ thông qua đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL;* (ii) *Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng Nghị định trình Chính phủ theo quy định; nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các thành viên Chính phủ, bảo đảm nội dung của Nghị định phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và chủ trương của Đảng về đổi mới đơn vị SNCL, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách chính sách tiền lương.*

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Việc xây dựng Nghị định mới phải cụ thể hóa các chủ trương đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tự chủ của các đơn vị SNCL theo đường lối, chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, trong đó có yêu cầu hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL;

2. Đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn hoạt động của các đơn vị SNCL trong các lĩnh vực khác nhau.

3. Kế thừa các nội dung quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP còn phù hợp; đồng thời khắc phục được tồn tại, hạn chế của Nghị định 16/2015/NĐ-CP làm chậm triển khai trong thực tế vì phải đợi ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ chi tiết cho từng lĩnh vực, dự thảo Nghị định trình Chính phủ ban hành có hiệu lực thì hành ngay đối với tất cả các lĩnh vực nhằm đẩy mạnh cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị SNCL, tạo điều kiện cho các đơn vị SNCL phát huy tính chủ động, nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực, tài sản, tài chính của Nhà nước và thu hút các nguồn lực ngoài Nhà nước, nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ công, giảm sự phụ thuộc vào NSNN, cải thiện nâng cao thu nhập cho người lao động.

III. TÊN CỦA NGHỊ ĐỊNH VÀ BỐ CỤC DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Tên của Nghị định: Nghị định quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Bố cục của Nghị định gồm 05 Chương và 41 Điều, trong đó:

- **Chương I. Những quy định chung (10 Điều):** Những quy định chung, trong đó quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; giá, phí dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; quản lý, sử dụng tài sản công; phân loại mức tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công; công thức xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên.

- **Chương II. Quy định cụ thể về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (15 Điều, chia 04 mục: (i) Mục 1. Tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị nhóm 1), đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2); (ii) Mục 2. Tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3); (iii) Mục 3. Tự chủ tài chính của đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4); (iv) Mục 4. Tự chủ về giao dịch tài chính và liên doanh, liên kết:** Quy định chung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL; trong đó quy định về nguồn tài chính, nội dung chi thường xuyên, tự chủ sử dụng nguồn tài chính, phân phối kết quả tài chính trong năm theo 04 loại đơn vị SNCL; tự chủ trong giao dịch tài chính; tự chủ trong hoạt động liên doanh liên kết.

- **Chương III. Tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế - dân số, giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp (06 Điều, chia 02 mục: (i) Mục 1. Tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế - dân số; (ii) Mục 2. Tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực**

giáo dục và đào tạo; giáo dục nghề nghiệp): Tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế - dân số, gồm một số quy định đặc thù trong sử dụng nguồn tài chính và phân bổ, giao dự toán đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, xác định phân loại mức độ tự chủ đối với Trung tâm y tế đa chức năng; Tự chủ tài chính của cơ sở giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, gồm một số quy định đặc thù: Giá dịch vụ sự nghiệp công, tự chủ tài chính, điều kiện tự chủ tài chính của cơ sở giáo dục đại học, tự chủ của đại học vùng.

- **Chương IV. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán thu, chi (03 Điều):** Lập, chấp hành dự toán thu chi, trong đó quy định về lập dự toán, phân bổ và giao dự toán; hạch toán kế toán và quyết toán.

- **Chương V. Tổ chức thực hiện (07 Điều):** Tổ chức thực hiện, trong đó quy định về giao quyền tự chủ tài chính, trách nhiệm của các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng đơn vị SNCL, điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành.

IV. NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công rất phức tạp và đa dạng, mỗi ngành, lĩnh vực đều có những đặc thù riêng. Vì vậy, trước đây Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ban hành là Nghị định khung; tại thời điểm ban hành Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; Chính phủ đã yêu cầu các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực căn cứ khung quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP để chủ trì, xây dựng cơ chế tự chủ riêng phù hợp với đặc điểm của từng, ngành lĩnh vực. Tuy vậy, đến nay sau 5 năm kể từ khi Nghị định số 16/2015/NĐ-CP được ban hành, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đều chưa hoàn thành nhiệm vụ này (*trừ lĩnh vực khoa học và công nghệ, do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì và lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, do Bộ Tài chính chủ trì*), nhất là đối với 02 ngành, lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số các dịch vụ sự nghiệp công là giáo dục đào tạo và y tế.¹

Việc ban hành Nghị định quy định chung về cơ chế tự chủ tài chính cho đơn vị SNCL trong tất cả các lĩnh vực theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 39/NQ-CP là một việc rất khó, đòi hỏi có thời gian nghiên cứu, đánh giá khoa học và sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong việc đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện và phù hợp với định hướng đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị SNCL nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Theo đó, để đảm bảo tiến độ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy, nhân sự của đơn vị SNCL khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020; căn cứ các nhiệm vụ và giải pháp về hoàn thiện cơ chế tài chính của đơn vị SNCL nêu tại Nghị quyết số 19/NQ-TW; trên nguyên tắc kế thừa các nội dung quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP còn

¹ Chính phủ đã ban hành Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

phù hợp; Bộ Tài chính đã nghiên cứu đề đưa vào dự thảo Nghị định những nội dung thay đổi so với Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, mang tính bao quát chung, có tính khả thi và có thể áp dụng thực hiện được ngay sau khi Nghị định được ban hành; cụ thể một số nội dung chính như sau:

1. Quy định về dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (Điều 4)

1.1. Quy định hiện hành

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định thẩm quyền ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (ở Trung ương do Thủ tướng Chính phủ ban hành; ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành); tuy vậy, chưa quy định về tiêu chí xác định danh mục, dẫn đến khó khăn cho cơ quan tài chính khi tham gia ý kiến với các Bộ, ngành về nội dung danh mục; đồng thời, danh mục ban hành còn mang tính hình thức và chưa thực sự gắn với yêu cầu tái cơ cấu kinh phí hỗ trợ từ NSNN cho các dịch vụ sự nghiệp công.

1.2. Dự thảo Nghị định

Hiện nay, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) đã quy định khung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN theo ngành, lĩnh vực và giao Thủ tướng Chính phủ quyết định chi tiết các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo ngành, lĩnh vực và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chi tiết danh mục thuộc phạm vi quản lý của địa phương.²

Theo đó, căn cứ nguyên tắc nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW về xây dựng và hoàn thiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (Điểm 6 Phần III) và trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP; dự thảo Nghị định bổ sung giải thích khái niệm về “dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN” (là dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc danh mục do cấp có thẩm quyền ban hành, được Nhà nước bảo đảm toàn bộ *chi phí* hoặc hỗ trợ một phần chi phí); bổ sung tiêu chí xác định dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng NSNN theo hướng như sau:

- Tiêu chí xác định dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN: (i) Các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; y tế dự phòng, y tế cơ sở, *bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, hải đảo; khám, chữa các bệnh phong, lao, tâm thần*; nghiên cứu khoa học cơ bản; văn hóa, nghệ thuật dân gian truyền thống, đào tạo huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên thể thao quốc gia; chăm sóc người có công và *bảo trợ xã hội*; các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành;³ (ii) Khung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN

² Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên

³ Nghị quyết 19-NQ/TW. *Xây dựng và hoàn thiện các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo nguyên tắc: Đối với các dịch vụ thiết yếu thì Nhà nước bảo đảm kinh phí; đối với các dịch vụ cơ bản thì Nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện... Ngân sách nhà nước bảo đảm đầu tư cho các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, y tế dự phòng, y tế cơ sở, khám, chữa các bệnh phong, lao, tâm thần; nghiên cứu khoa học cơ bản; văn hoá, nghệ thuật dân gian truyền thống, đào tạo huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên thể thao quốc gia; bảo trợ xã hội và chăm sóc người có công, ...) và đối với các đơn vị sự nghiệp công lập ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người (Khoản 6 Hoàn thiện thể chế tài chính; Mục III. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể).*

theo các lĩnh vực quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

- Về thẩm quyền ban hành: Trên cơ sở danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng NSNN ngân sách nhà nước của ngành, lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ quy định; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương (sau khi lấy ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (sau khi trình Hội đồng nhân dân) xác định danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc phạm vi quản lý để ban hành theo thẩm quyền.

2. Quy định về giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (Điều 5)

2.1. Quy định hiện hành:

Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN: *a) Đến năm 2016: Tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp (chưa tính chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định); b) Đến năm 2018: Tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp và chi phí quản lý (chưa tính chi phí khấu hao tài sản cố định); c) Đến năm 2020: Tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định.*

Theo lộ trình trên, đến năm 2020 giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước phải được *tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định*. Tuy vậy, trên thực tế đến nay nhiều Bộ, cơ quan trung ương, địa phương vẫn chưa thực hiện điều chỉnh hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình; trừ lĩnh vực y tế đã ban hành khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh có bảo hiểm y tế và không có bảo hiểm y tế, từng bước kết cấu chi phí trực tiếp, chi phí tiền lương (chưa tính chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định). Điều này đã dẫn đến việc cơ chế tự chủ tài chính còn chưa đầy đủ, thiếu minh bạch và NSNN vẫn phải tiếp tục bao cấp các đơn vị SNCL.

Bên cạnh đó, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định giá dịch vụ sự nghiệp công được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành và lộ trình tính đủ chi phí theo quy định. Tuy vậy, nhiều định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành, lĩnh vực thuộc trách nhiệm ban hành của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành còn thiếu, chưa đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong việc xác định đơn giá đặt hàng, đấu thầu. Vì vậy, các nội dung quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP về nguyên tắc tính giá và lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công thiếu tính khả thi trong thực tiễn.⁴

2.2. Dự thảo Nghị định:

a) Lộ trình tính giá nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW (điểm 2.2 về mục tiêu cụ thể, Mục II. Quan điểm chỉ đạo và mục tiêu) cho giai đoạn đến năm 2021: *Hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương,*

⁴ Đối với lĩnh vực y tế, tổng số dịch vụ khám, chữa bệnh khoảng 18 000 dịch vụ; từ năm 2012, Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật của các chi phí trực tiếp của khoảng 947 dịch vụ; còn lại hầu hết dịch vụ khám, chữa bệnh thực hiện theo mức phí từ năm 2006 đã quá lạc hậu và chưa được xây dựng cơ cấu chi phí

chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp;

b) Sau khi nghiên cứu, rà soát; trên cơ sở ý kiến tham gia của một số Bộ, ngành và địa phương (Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Bắc Giang...), Bộ Tài chính nhận thấy việc quy định đến năm 2021 hoàn thành lộ trình tính giá theo định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW là khó khả thi, với lý do:

- Hiện nay mới chỉ có 23 trường đại học (*trên tổng số 41.801 đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục - đào tạo, chiếm 0,055% đơn vị*) được giao là đơn vị tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017; có 04 bệnh viện (*trên tổng số 6.160 đơn vị SNCL lĩnh vực y tế toàn quốc, chiếm 0,065% đơn vị*)⁵ thuộc Bộ Y tế, gồm Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Chợ Rẫy, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức và Bệnh viện K được thí điểm cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện về chi thường xuyên và chi đầu tư theo Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 19/5/2019 của Chính phủ.

- Dự kiến đến năm 2021 giá dịch vụ của một số lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp tính đủ chi phí (bao gồm cả chi phí khấu hao tài sản cố định) là khó khả thi, do phụ thuộc vào khả năng cân đối của NSNN hàng năm và khả năng chi trả của người hưởng thụ.

Đối với các trường mầm non, phổ thông, một số trường trung cấp, cao đẳng...(lĩnh vực giáo dục), trung tâm y tế dự phòng, Trung tâm y tế huyện, các đơn vị chỉ làm nhiệm vụ nâng cao sức khỏe; các đơn vị phục vụ quản lý nhà nước về kiểm soát dược phẩm, thực phẩm và trang thiết bị y tế, các đơn vị ở miền núi, vùng khó khăn...(lĩnh vực y tế), hiện đang được NSNN bảo đảm kinh phí toàn bộ hoặc một phần, nên lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công chưa thể tính đủ chi phí có chi phí khấu hao tài sản cố định.

Xuất phát từ các vấn đề nêu trên; căn cứ quy định tại Luật Giá về danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, dự thảo Nghị định đề xuất quy định như sau:

“a) Đến hết năm 2021, cơ bản hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về giá); trường hợp do khó khăn khách quan cần xây dựng lộ trình khác, các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Đối với lĩnh vực y tế - dân số, lĩnh vực giáo dục đào tạo, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp: Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; dịch vụ giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp tại cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp của Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật

⁵ Theo số liệu thống kê của Bộ Nội vụ (năm 2017).

về giá và pháp luật chuyên ngành. Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội xây dựng đề án riêng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

c) Đối với dịch vụ sự nghiệp công đang được Nhà nước đặt hàng theo giá tính đủ chi phí thì tiếp tục thực hiện theo giá tính đủ chi phí.”

Về nguyên tắc xác định giá, dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định: Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí để xây dựng đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá hoặc mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 05 năm trước liền kề.

3. Quy định về dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN

3.1. Quy định hiện hành

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP chỉ quy định chung về dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN theo nguyên tắc đơn vị sự nghiệp công được xác định giá theo cơ chế thị trường, được tự quyết định các khoản thu, mức thu bảo đảm bù đắp chi phí hợp lý, có tích lũy.

3.2. Dự thảo Nghị định:

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW: “Phân định rõ hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị do Nhà nước giao với hoạt động kinh doanh dịch vụ của các đơn vị SNCL”; dự thảo khoản 3 Điều 6 đã bổ sung quy định cụ thể về dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN theo hướng: “Đơn vị sự nghiệp công được tự chủ quyết định các khoản chi để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đảm bảo tính hợp lệ, hợp lý và quy chế chi tiêu nội bộ; phải tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán, mở sổ sách kế toán, sử dụng, quản lý chứng từ, tổ chức hạch toán, theo dõi riêng đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác doanh thu và phân bổ đầy đủ, chính xác chi phí đối với từng hoạt động; đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ kiểm toán nội bộ đầy đủ, định kỳ; thực hiện chế độ báo cáo tài chính đúng, kịp thời với các cơ quan quản lý cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công chịu trách nhiệm về hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai được Nhà nước giao quản lý, sử dụng; nguồn lực nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về đất đai.

Trường hợp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước có chênh lệch thu nhỏ hơn chi, đơn vị phải tính toán bù đắp khoản thiếu hụt bằng các nguồn kinh phí hợp pháp của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bù.”

Quy định như trên đảm bảo thực hiện theo đúng tinh thần nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW về việc phân định rõ hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị do Nhà nước giao và hoạt động kinh doanh dịch vụ của đơn vị SNCL; đồng thời khuyến khích giao quyền tự chủ tối đa cho các đơn vị SNCL trong việc tự

quyết định các khoản thu chi hoạt động dịch vụ theo cơ chế thị trường; Nhà nước không bao cấp cho các hoạt động dịch vụ của đơn vị.

4. Quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công (Điều 7)

4.1. Quy định hiện hành:

a) Nghị định số 16/2015/NĐ-CP chỉ quy định về chi đầu tư từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay và các nguồn tài chính hợp pháp khác của đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đối với các đơn vị SNCL khác, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP không đề cập đến nội dung quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

b) Luật Đầu tư công năm 2019 quy định:

- Tại Khoản 22 Điều 4 (Giải thích từ ngữ) quy định: *“Vốn đầu tư công quy định tại Luật này bao gồm: vốn ngân sách nhà nước; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.”*

- Tại Khoản 1 Điều 59 (Lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư) quy định: *“Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư phải lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm trình Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp trực tiếp quản lý.”*

c) Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công quy định:

- Tại điểm b, điểm c Khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 13 (Thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư): *b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư chương trình, dự án nhóm A, B, C do đơn vị mình quản lý; c) Đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm b khoản này được làm chủ đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng do mình quyết định đầu tư.*

- Tại điểm b khoản 1 Điều 14 (Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư): *b) Đối với chương trình, dự án do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định; tổ chức thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật hiện hành.*

4.2. Dự thảo Nghị định

Để đảm bảo đồng bộ với nội dung quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP nêu trên, dự thảo Nghị định quy định như sau:

“1. Đơn vị sự nghiệp công thực hiện quản lý, sử dụng vốn đầu tư công (bao gồm cả nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác dành để đầu tư) theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về quản lý nợ công.

2. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm cho đơn vị sự nghiệp công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về quản lý nợ công.”

5. Quy định phân loại và xác định mức độ tự chủ tài chính của đơn vị SNCL và nguyên tắc NSNN hỗ trợ đơn vị SNCL (Điều 9 và Điều 10)

5.1. Quy định hiện hành:

- Trên thực tế, các đơn vị SNCL cung cấp rất nhiều loại sản phẩm dịch vụ công khác nhau, có loại dịch vụ công cung cấp theo yêu cầu của nhà nước; có rất nhiều loại sản phẩm dịch vụ công đơn vị tự cung cấp theo nhu cầu xã hội, nhà nước không giao nhiệm vụ cho đơn vị cung cấp. Nghị định số 16/2015/NĐ-CP đưa ra quy định về phân loại 04 loại hình mức độ tự chủ của đơn vị SNCL căn cứ vào tổng hòa các nguồn thu của đơn vị SNCL/tổng các khoản chi thường xuyên của đơn vị; không phân biệt cách xác định phân loại đơn vị SNCL trên cơ sở nguồn thu và nhiệm vụ chi thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao của đơn vị và dịch vụ do đơn vị tự cung cấp theo nhu cầu xã hội. Điều này dẫn đến hạn chế là bên cạnh các đơn vị SNCL cung cấp dịch vụ công theo nhu cầu xã hội có chênh lệch thu lớn hơn chi, dùng số chênh lệch này để bổ sung vào nguồn tài chính chung của đơn vị; thì vẫn có tình trạng một số đơn vị SNCL có chênh lệch thu nhỏ hơn chi, dẫn đến NSNN phải bao cấp, hoặc bù lỗ ngược cho các hoạt động dịch vụ đơn vị SNCL tự cung ứng theo nhu cầu xã hội.

Vì vậy, để phân định rõ hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị do Nhà nước giao và hoạt động kinh doanh dịch vụ của đơn vị SNCL theo nguyên tắc NSNN chỉ hỗ trợ đối với các nhiệm vụ nhà nước giao; đối với các dịch vụ do đơn vị tự cung cấp theo nhu cầu xã hội phải thực hiện theo nguyên tắc thị trường, lấy thu, bù chi và có tích lũy, NSNN không hỗ trợ cho các dịch vụ này; cần thiết phải có quy định hướng dẫn cụ thể về cách xác định phân loại đơn vị SNCL.

5.2. Dự thảo Nghị định

- Xuất phát từ các bất cập nêu trên, Điều 10 dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể cách xác định mức độ tự chủ chi thường xuyên của đơn vị SNCL theo hướng tách bạch rõ nguồn thu và nhiệm vụ chi của đơn vị. Theo đó, NSNN chỉ hỗ trợ đối với các nhiệm vụ nhà nước giao; đối với các dịch vụ do đơn vị tự cung cấp theo nhu cầu xã hội phải thực hiện theo nguyên tắc thị trường, lấy thu, bù chi và có tích lũy, NSNN không hỗ trợ cho các dịch vụ này.

- Đối với đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị SNCL do NSNN bảo đảm chi thường xuyên, dự thảo Nghị định đã quy định nguyên tắc hỗ trợ kinh phí từ NSNN đối với 02 đơn vị này như sau:

+ Đối với đơn vị SNCL tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên, dự thảo điểm c khoản 1 Điều 15 quy định: *Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN.*

+ Đối với đơn vị SNCL do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên, dự thảo khoản 4 Điều 9 và điểm a khoản 1 Điều 19 quy định: *Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán chi thường xuyên trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

6. Quy định về nguồn tài chính và sử dụng nguồn tài chính của đơn vị SNCL (Mục 1, Mục 2, Mục 3 Chương II, từ Điều 11 đến Điều 22)

6.1. Sửa đổi quy định về nguồn tài chính và sử dụng nguồn tài chính:

a) Về nguồn tài chính:

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định nguồn tài chính của đơn vị SNCL theo hướng tổng hợp chung tất cả các nguồn lực, chưa có sự tách bạch rõ nguồn thu từ hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị do Nhà nước giao (hoạt động cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sử dụng NSNN) và các hoạt động kinh doanh dịch vụ. Tương tự như vậy, các nội dung sử dụng nguồn tài chính của đơn vị SNCL quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP cũng không phân định rõ nhiệm vụ chi từ NSNN và nhiệm vụ chi hoạt động sản xuất dịch vụ.

Quy định trên dẫn đến tình trạng đối với các đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, Nhà nước đang phải hỗ trợ đồng loạt đối với tất cả các sản phẩm, dịch vụ công thuộc danh mục dịch vụ công sử dụng NSNN do nhà nước có trách nhiệm cung cấp và sản phẩm, dịch vụ do đơn vị SNCL tự quyết định cung cấp, không thuộc danh mục dịch vụ công sử dụng NSNN.

- Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định về nguồn tài chính của đơn vị SNCL: Để khắc phục hạn chế nêu trên, căn cứ quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW: *“Phân định rõ hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị do Nhà nước giao với hoạt động kinh doanh dịch vụ của các đơn vị SNCL”*; dự thảo Nghị định (Điều 11, Điều 15 và Điều 19) cơ bản kế thừa các quy định vẫn còn phù hợp tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và bổ sung quy định cụ thể nguồn tài chính của đơn vị SNCL theo hướng tách rõ nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN và nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp (gồm thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công; thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động liên doanh, liên kết; thu từ cho thuê tài sản công). Ngoài ra, đơn vị SNCL còn có nguồn thu phí được để lại chi; nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ; nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

b) Về tự chủ sử dụng nguồn tài chính của đơn vị SNCL:

Dự thảo Nghị định (Điều 12, Điều 16, Điều 20) quy định rõ về nội dung chi thường xuyên giao tự chủ cho đơn vị SNCL, đồng thời đã bổ sung:

- Nội dung giao quyền tự chủ cho đơn vị SNCL được sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng để phù hợp với Nghị quyết 27-NQ/TW;

- Quy định bổ sung một số khoản chi: (i) Chi trích lập các khoản dự phòng rủi ro theo quy định; (ii) Chi tiền thưởng theo quy định của Chính phủ về hệ thống bảng lương mới theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo để phù hợp với Nghị quyết 27-NQ/TW.

6.2 Sửa đổi về cơ chế tính toán, chi trả tiền lương:

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định đơn vị SNCL chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công (không phân biệt đơn vị tự bảo đảm kinh phí hoạt động và đơn vị do NSNN hỗ trợ một phần hay hỗ trợ toàn bộ chi phí hoạt động). Việc chi trả thu nhập tăng thêm của người lao động sẽ căn cứ vào kết quả hoạt động tài chính trong năm. Quy định như trên dẫn đến có nhiều đơn vị SNCL tự bảo đảm kinh phí hoạt động, có nguồn thu cung cấp dịch vụ theo giá thị trường, có khả năng chi trả tiền lương cao hơn quy định của nhà nước cho người lao động, nhưng phải đợi sau khi tính toán cân đối chênh lệch thu, chi, nộp các khoản thuế cho Nhà nước theo quy định, mới được sử dụng từ quỹ bổ sung thu nhập tăng thêm cho người lao động. Điều này chưa phù hợp với quy định tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được phép chi trả tiền lương, tiền công thực tế có thể cao hơn mức Nhà nước quy định tùy thuộc vào kết quả hoạt động tài chính của đơn vị và năng lực, trình độ của người lao động; và chưa bình đẳng với các doanh nghiệp khi tham gia cung cấp dịch vụ công là được tính lương trả cho người lao động theo khả năng thực tế, cao hơn mức Nhà nước quy định.

- Để khắc phục hạn chế hiện nay; căn cứ giải pháp nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW: “*Đối với đơn vị đã tự chủ về tài chính, được trả lương theo kết quả hoạt động. Đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, thực hiện trả lương theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp theo quy định hiện hành*”; và Nghị quyết số 27-NQ/TW: “*Đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN được thực hiện cơ chế tự chủ tiền lương theo kết quả hoạt động như doanh nghiệp. Đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị SNCL do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên thì áp dụng chế độ tiền lương như công chức*”; dự thảo Nghị định quy định:

(1) Đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị nhóm 1), dự thảo Nghị định quy định: *Căn cứ tình hình tài chính, đơn vị sự nghiệp công được thực hiện cơ chế tự chủ tiền lương theo kết quả hoạt động như doanh nghiệp (Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hạng I); quyết định mức lương chi trả cho viên chức, người lao động.*

(2) Đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2), dự thảo Nghị định quy định: *Căn cứ tình hình tài chính, đơn vị sự nghiệp công được thực hiện cơ chế tự chủ tiền lương theo kết quả hoạt động như doanh nghiệp (Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hạng II); quyết định mức lương chi trả cho viên chức, người lao động.*

Đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2 xác định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện và phân phối tiền lương theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đồng thời, trên cơ sở tham chiếu quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp về trích lập các khoản dự phòng rủi ro và Nghị định số 51/2016/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, dự thảo Nghị định quy định cho phép đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2 được: *Trích lập các khoản dự phòng theo quy định đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định thành lập các quỹ đặc thù để xử lý rủi ro (nếu có); các khoản chi này được hạch toán vào chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của đơn vị.*

(3) Đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3) và đơn vị SNCL do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4); căn cứ quy định tại Nghị quyết 27-NQ/TW, dự thảo Nghị định quy định: *Đơn vị sự nghiệp công áp dụng chế độ tiền lương theo mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản đóng góp theo tiền lương hoặc theo mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ và các khoản đóng góp theo tiền lương theo quy định của Nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có).*

6.3. Sửa đổi, bổ sung quy định về tự chủ tài chính với đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (Điều 16 và Điều 18)

Trên thực tế, khái niệm về đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên rất rộng (đơn vị bảo đảm từ 10% đến dưới 100% chi thường xuyên đều được xếp chung vào cùng nhóm là đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên). Vì vậy, cần thiết bổ sung quy định về việc tự chủ tài chính và phân phối kết quả tài chính trong năm theo mức độ tự chủ về chi thường xuyên để bảo đảm phù hợp với khả năng nguồn tài chính và khuyến khích các đơn vị phấn đấu lên mức độ tự chủ cao hơn.

Theo đó, dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về mức độ tự chủ tài chính và việc phân phối kết quả tài chính của đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo 03 nhóm: (i) *Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên;* (ii) *Đơn vị tự bảo đảm từ 50% đến dưới 70% chi thường xuyên;* (iii) *Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 50% chi thường xuyên.* Trong đó, quy định đơn vị có mức tự bảo đảm chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100% căn cứ khả năng tài chính, đơn vị được quyết định mức chi hoạt động chuyên môn cao hơn (trong trường hợp đơn vị chi từ nguồn thu sự nghiệp, không phải nguồn ngân sách nhà

nước) mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và được trích lập Quỹ bổ sung thu nhập cao hơn các đơn vị còn lại.

7. Quy định mở tài khoản giao dịch (Điều 23)

7.1. Quy định hiện hành

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định đơn vị SNCL mở tài khoản tại KBNN để phản ánh: Các khoản kinh phí thuộc NSNN, các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, các khoản thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí.

7.2. Dự thảo Nghị định quy định:

Hiện nay, học phí và viện phí đã chuyển sang cơ chế giá theo quy định của Luật Giá. Vì vậy, để tạo điều kiện cho đơn vị chủ động quản lý và sử dụng nguồn tài chính, dự thảo Nghị định quy định:

- Đơn vị sự nghiệp công mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để quản lý các nguồn kinh phí sau: Các khoản thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí; kinh phí Ngân sách nhà nước cấp, bao gồm các khoản thu, chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; các khoản thu học phí, viện phí theo mức giá quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chi theo chế độ Nhà nước quy định chung.

- Đơn vị sự nghiệp công được mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại trong các trường hợp sau: Các khoản thu, chi hoạt động dịch vụ (kể cả số thu từ đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định, trừ các khoản thu, chi dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN), sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật; các Quỹ được trích lập theo quy định tại Nghị định này.

8. Quy định vay vốn, huy động vốn (Điều 24)

8.1. Quy định hiện hành

Theo quy định tại Điều 50 Luật quản lý và sử dụng tài sản công thì tài sản hình thành từ nguồn vốn liên doanh liên kết, nguồn vốn vay, vốn huy động phải có đề án được cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên Luật quản lý và sử dụng tài sản công và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP chỉ quy định thẩm quyền phê duyệt Đề án liên doanh liên kết mà chưa quy định đối với phương án vay vốn, huy động vốn do cơ quan, người có thẩm quyền nào phê duyệt. Nguồn vốn vay và vốn huy động cũng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư công, do đó Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đầu tư công cũng không quy định thẩm quyền phê duyệt đối với nguồn vốn này.

Vì vậy, cần thiết bổ sung quy định về thẩm quyền phê duyệt phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn. Về mức vay không quy định tại Nghị định này vì thuộc thẩm quyền phê duyệt của bên cho vay liên quan đến tài sản thế chấp, khả năng hoàn trả vốn....

8.2. Dự thảo Nghị định quy định:

“4. Khi thực hiện vay vốn, huy động vốn để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản, đơn vị sự nghiệp công phải có phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn; tự chịu trách nhiệm trả nợ, cả gốc và lãi tiền vay theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hiệu quả của việc vay vốn, huy động vốn và hiệu quả sử dụng vốn vay, vốn huy động. Đối với đơn vị có Hội đồng quản lý hoặc Hội đồng trường, Hội đồng Đại học do Hội đồng chịu trách nhiệm phê duyệt phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn. Trường hợp đơn vị đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản bằng cả nguồn vốn đầu tư công vốn vay, vốn huy động thì trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật đầu tư công.”

9. Quy định tự chủ trong hoạt động liên doanh, liên kết (Điều 25)

9.1. Quy định hiện hành: Nghị định số 16/2015/NĐ-CP chưa quy định cụ thể các hình thức liên doanh liên kết và việc phân phối kết quả chênh lệch thu chi từ hoạt động liên doanh liên kết của đơn vị SNCL.

9.2. Dự thảo Nghị định:

- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục và các hình thức sử dụng tài sản công để liên doanh liên kết của đơn vị SNCL. Theo đó, để đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất chung về việc phân phối kết quả từ hoạt động liên doanh liên kết của đơn vị SNCL, dự thảo Nghị định bổ sung 1 Điều quy định về hoạt động liên doanh, liên kết của đơn vị SNCL, trong đó quy định cụ thể đối với liên doanh, liên kết thành lập pháp nhân mới và không thành lập pháp nhân mới. Tuy vậy, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP không quy định cụ thể các loại hình pháp nhân mới được thành lập khi liên doanh liên kết.

- Căn cứ quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan, dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc như sau:

“2. Đơn vị sự nghiệp công xây dựng đề án liên doanh, liên kết trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý) phê duyệt sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý) phê duyệt sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, trong đó phải làm rõ hình thức liên doanh, liên kết (thành lập pháp nhân mới hoặc không thành lập pháp nhân mới); phương án bảo đảm nguồn tài chính, nguồn nhân lực cho hoạt động của đơn vị và cơ sở liên doanh, liên kết. Đối với đơn vị đã thành lập Hội đồng quản lý, đơn vị báo cáo Hội đồng quản lý hoặc Hội đồng trường hoặc Hội đồng đại học thông qua đề án trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nghị định này không quy định việc sử dụng tài sản công, thương hiệu, giấy phép, bản quyền tác phẩm để liên doanh liên kết theo hình thức thành lập pháp nhân mới. Trường hợp cần thiết liên doanh liên kết theo hình thức thành lập pháp nhân mới thì đơn vị sự nghiệp công phải thực hiện theo các quy định

pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đầu tư, pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan khác.”

- Bên cạnh đó, theo ý kiến tham gia của Bộ Thông tin và Truyền thông, hiện nay trong lĩnh vực thông tin truyền thông (báo chí, xuất bản) còn có hình thức liên doanh, liên kết giấy phép, bản quyền tác phẩm.... Vì vậy, dự thảo Nghị định bổ sung 01 khoản quy định nguyên tắc chung như sau: “*Trường hợp sử dụng thương hiệu, giấy phép, bản quyền tác phẩm để liên doanh liên kết và các trường hợp đặc thù khác, đơn vị thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan. Khi xác định giá trị thương hiệu để góp vốn liên doanh, liên kết theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, một số chỉ tiêu tài chính của đơn vị sự nghiệp công sử dụng trong thẩm định giá được xác định như sau: a) Thu nhập của đơn vị sự nghiệp công được xác định trên cơ sở chênh lệch thu chi trước lãi vay, sau thuế cộng khấu hao; b) Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu của đơn vị sự nghiệp công được xác định theo lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm hoặc kỳ hạn dài nhất gần thời điểm thẩm định giá; c) Giá trị của các tài sản đóng góp trong cách tiếp cận từ thu nhập được xác định theo giá trị sổ sách kế toán.*”

10. Quy định cơ chế tự chủ tài chính đặc thù đối với lĩnh vực y tế- dân số; lĩnh vực giáo dục đào tạo; lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (Mục 1, Mục 2 Chương III)

10.1. Đối với lĩnh vực y tế- dân số (Mục 1):

Cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL trong lĩnh vực y tế cần có cách ứng xử khác nhau đối với 02 nhóm: (i) Đối với y tế dự phòng, Nhà nước cấp, giao tự chủ (khoán chi); (ii) Đối với cơ sở khám, chữa bệnh, tiến tới tự cân đối thu-chi. Đối tượng chính sách được Nhà nước hỗ trợ trực tiếp cấp qua thẻ BHYT, đặt hàng khám chữa bệnh cho đồng bào chính sách.

Căn cứ ý kiến góp ý của Bộ Y tế về quy định nguồn thu trong lĩnh vực y tế; sử dụng nguồn tài chính; phương thức phân bổ NSNN cho đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên trong lĩnh vực y tế; Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu tại dự thảo Nghị định và đưa vào Chương 3 “*Tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế - dân số*”. Các nội dung đề xuất chính sách đặc thù đã được căn cứ trên cơ sở Nghị quyết số 20-NQ/TW, Nghị quyết số 21-NQ/TW, Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Dược, Luật An toàn thực phẩm, Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

10.2. Đối với lĩnh vực giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp (Mục 2)

Tương tự như cơ chế tự chủ tài chính đối với lĩnh vực y tế, cơ chế tự chủ của đơn vị trong lĩnh vực giáo dục đào tạo gồm 02 nhóm chính sách có cách ứng xử khác nhau, gồm:

(1) Đối với giáo dục phổ thông và mầm non, quan điểm là giáo dục phổ cập, được Nhà nước hỗ trợ thông qua cơ sở giáo dục. Tuy vậy, cũng cần giao

quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục phổ thông trong việc sử dụng kinh phí NSNN giao (cơ chế khoán kinh phí) đối với đơn vị SNCL do NSNN đảm bảo chi thường xuyên. Đối với cơ sở giáo dục phổ thông, mầm non ở các thành phố, khu vực có điều kiện cho phép thu học phí cao, bù đắp đủ chi, có tính lũy cho đầu tư.

(2) Đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, quan điểm là đào tạo ngành nghề để kiếm sống thì cần có lộ trình tính đủ chi phí. Đối tượng chính sách đi học thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí trực tiếp. Các ngành nghề mũi nhọn, cần thiết cho phát triển kinh tế - xã hội nhưng có chi phí đào tạo cao, các ngành nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu được Nhà nước thực hiện đặt hàng đào tạo theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Căn cứ ý kiến góp ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu và thiết kế riêng tại Mục 2 Chương III dự thảo Nghị định “Tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế- dân số, giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp”.

Vì vậy, về cơ bản dự thảo Nghị định có thể xử lý được những bất cập, tồn tại hiện nay về áp dụng cơ chế tự chủ tài chính trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế.

11. Về hạch toán, kế toán (Điều 34)

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định nguyên tắc chung về trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công: Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của Nhà nước giao, thực hiện chế độ hạch toán kế toán, thống kê, thông tin, báo cáo hoạt động, kiểm toán theo quy định.

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW về việc đẩy mạnh việc chuyển đổi các đơn vị SNCL sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên, *thực hiện quản lý, kế toán theo mô hình doanh nghiệp* và để khắc phục những tồn tại hiện nay về tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị SNCL, dự thảo Nghị định quy định như sau: “*Đơn vị sự nghiệp công thực hiện chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật hiện hành về kiểm toán nội bộ. Trường hợp đơn vị nhóm 1 xây dựng đề án quản lý, kế toán theo mô hình doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo chế độ kế toán doanh nghiệp.*”

....

Căn cứ tình hình thực tế của các đơn vị sự nghiệp công, việc tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị do cơ quan có thẩm quyền thành lập đơn vị quyết định cho phù hợp và đáp ứng yêu cầu tinh gọn bộ máy kế toán.”

12. Về tổ chức thực hiện (Chương V)

12.1. Về giao quyền tự chủ tài chính (Điều 35)

a) Quy định hiện hành:

Nghị định 16/2015/NĐ-CP quy định: Đơn vị sự nghiệp công xây dựng phương án tự chủ phù hợp với kế hoạch và điều kiện thực tế của đơn vị, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để phê duyệt, sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ

quan tài chính cung cấp. Việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công được ổn định trong thời gian 3 năm. Trường hợp nguồn thu, nhiệm vụ của đơn vị có biến động làm thay đổi mức độ tự chủ tài chính, đơn vị báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để xem xét điều chỉnh mức độ tự chủ cho đơn vị trước thời hạn.

b) Dự thảo Nghị định:

Nghị quyết 19-NQ/TW quy định phân loại các đơn vị SNCL theo mức độ tự chủ khác nhau về tài chính; các đơn vị được giao tự chủ tài chính ổn định từ 3 đến 5 năm theo phương án thu chi tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ quy định trên, dự thảo Nghị định quy định theo hướng: Đơn vị SNCL đã tự chủ tài chính ở mức cao thì không giao thời gian tự chủ, đơn vị SNCL tự chủ ở mức thấp hơn (tự bảo đảm một phần chi thường xuyên hoặc do NSNN bảo đảm chi thường xuyên) thì giao tự chủ trong giai đoạn 05 năm, cùng với giai đoạn phát triển kinh tế xã hội. Sau giai đoạn 05 năm thì thực hiện giảm dần số lượng đơn vị SNCL tự chủ tài chính ở mức thấp để tăng dần số lượng đơn vị SNCL tự chủ ở mức cao hơn, cụ thể:

“1. Đơn vị sự nghiệp công xây dựng phương án tự chủ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước và điều kiện thực tế của đơn vị; báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý) để phê duyệt, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp. Nội dung của phương án tự chủ tài chính cần xác định rõ mức độ tự chủ tài chính theo 04 nhóm đơn vị quy định tại Điều 8 Chương I, Mục 1 và Mục 2 Chương II của Nghị định này. Trong đó:

a) Đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2 tiếp tục thực hiện theo các quy định về cơ chế tự chủ tài chính quy định tại Nghị định này. Đơn vị có trách nhiệm bổ sung hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý) triển khai việc giao đất đai, tài sản công theo quy định của pháp luật liên quan.

b) Đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4 được thực hiện phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn ổn định 05 (năm) năm, phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế xã hội do Chính phủ quy định.

.....

4. Sau mỗi thời kỳ ổn định (05 năm), các Bộ, cơ quan trung ương (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý) có trách nhiệm rà soát, nâng mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị nhóm 3 theo lộ trình như sau:

a) Chuyển 50% số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên sang đơn vị nhóm 2; hàng năm, thực hiện giảm 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước;

b) Chuyển 50% số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 50% đến dưới 70% chi thường xuyên sang đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên; hàng năm, thực hiện giảm 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

c) Chuyển 50% số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 30% đến dưới 50% chi thường xuyên sang đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 50% đến dưới 70% chi thường xuyên; hàng năm, thực hiện giảm 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước;

d) Chuyển 50% số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ trên 10% đến dưới 30% chi thường xuyên sang đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 30% đến dưới 50% chi thường xuyên; hàng năm, thực hiện giảm 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

12.1. Về trách nhiệm của các Bộ, cơ quan Trung ương (Điều 36), trong đó có việc hướng dẫn cơ chế tiền lương theo kết quả hoạt động như doanh nghiệp

Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền lương đối với người lao động, người quản lý công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đã giao Bộ Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan hướng dẫn thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định tại Nghị định.

Vì vậy, dự thảo Nghị định bổ sung quy định giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: *Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2.*

12.2. Về hướng dẫn cơ chế tự chủ đặc thù của ngành, lĩnh vực:

Như đã phân tích tại phần trên, lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công rất phức tạp và đa dạng, mỗi ngành, lĩnh vực đều có những đặc thù riêng. Vì vậy, tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất về việc sẽ trình Chính phủ ban hành Nghị định tự chủ riêng của ngành, lĩnh vực; dự thảo Nghị định bổ sung quy định:

“1. Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực thực hiện các quy định tại Nghị định này.

2. Trường hợp cần thiết phải ban hành các quy định bổ sung để phù hợp với đặc thù hoạt động của ngành, lĩnh vực, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ; các Đại học quốc gia; Đài Truyền hình Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam; Thông tấn xã Việt Nam căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành để

trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các quy định bổ sung về cơ chế tự chủ đặc thù của ngành, lĩnh vực.”

Quy định như trên sẽ đảm bảo khi Nghị định được ban hành sẽ được áp dụng ngay, không phải là Nghị định khung như Nghị định 16/2015/NĐ-CP trước đây và phải chờ ban hành các Nghị định quy định cơ chế tự chủ theo lĩnh vực.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Kinh phí cho thực hiện chính sách đề nghị xây dựng Nghị định: Về cơ bản, các chính sách được lựa chọn không phát sinh kinh phí riêng cho triển khai thực hiện vì không phát sinh các điều kiện thực hiện mới.

2. Nguồn nhân lực và tài chính bảo đảm tổ chức thi hành Nghị định sau khi được ban hành

a) Về điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực

Việc tổ chức phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị SNCL thuộc phạm vi quản lý (trung ương, địa phương) căn cứ các quy định tại dự thảo Nghị định về nguồn tài chính, sử dụng nguồn tài chính, chênh lệch thu chi và trích lập các Quỹ, hoạt động liên doanh liên kết, hoạt động đầu tư sẽ do các Bộ, địa phương sử dụng bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực hiện có để thực hiện, không làm tăng biên chế theo quy định.

b) Về điều kiện bảo đảm về nguồn tài chính

- Về nguyên tắc, từ năm 2021, khi giá dịch vụ sự nghiệp công đã tính đủ các chi phí theo đúng định hướng nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, theo đó, từng bước tính chi phí tiền lương và chi phí trực tiếp vào trong giá dịch vụ, góp phần bù đắp chi phí của các đơn vị. Khi đó các đơn vị SNCL sẽ tự bảo đảm được chi phí hoạt động từ các nguồn tài chính của đơn vị (trong đó bao gồm cả nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN).

+ Lĩnh vực y tế: NSNN đã từng bước giảm cấp trực tiếp cho cơ sở KBCB thông qua việc giảm cấp chi thường xuyên đối với các khoản chi được kết cấu trong giá dịch vụ KBCB và khả năng tự đảm bảo chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp của từng đơn vị theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ KBCB; dành nguồn hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng sử dụng dịch vụ, đặc biệt là người nghèo, đối tượng chính sách thông qua việc hỗ trợ mua thẻ BHYT cho các đối tượng theo quy định của Luật BHYT; tăng chi cho y tế dự phòng, dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương và thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách khác của ngành y tế NSNN

+ Lĩnh vực giáo dục đào tạo:

- Việc đề xuất thay đổi trên sẽ làm cho việc giao dự toán NSNN cho đơn vị SNCL để cung cấp dịch vụ công rõ ràng minh bạch hơn. Theo đó, những nhiệm vụ nhà nước giao sẽ được tính toán giao kinh phí theo định mức, đơn giá, số lượng. Phần dự toán NSNN cho đơn vị SNCL để cung cấp dịch vụ công căn cứ vào định mức, đơn giá, số lượng, chất lượng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công.

Đối với những dịch vụ công nhà nước không giao, đơn vị được tự quyết định cung cấp theo cơ chế thị trường, lấy thu, bù chi, nộp thuế theo quy định, lời ăn, lỗ chịu. Phần chênh lệch cung cấp dịch vụ công theo cơ chế thị trường, đơn vị được bổ sung nguồn kinh phí hoạt động cho cung cấp sản phẩm, dịch vụ công được nhà nước yêu cầu.

Theo đó, NSNN sẽ không phải bao cấp, hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên đối với đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; góp phần giảm chi thường xuyên của NSNN, tăng ngân sách cho đầu tư và thực hiện các nhiệm vụ cấp bách.

- Tuy vậy, khi điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công, sẽ phát sinh thêm nhu cầu kinh phí từ NSNN để hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng chính sách để mua sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo chính sách của nhà nước áp dụng cho từng đối tượng để mua dịch vụ công do các đơn vị sự nghiệp công cung cấp theo giá tính đủ chi phí. Việc này là phù hợp với định hướng của Nghị quyết số 19-NQ/TW về hoàn thiện cơ chế tài chính của đơn vị SNCL: “*NSNN chuyển từ hỗ trợ cho các đơn vị SNCL sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu...*”. Theo tính toán thì số kinh phí NSNN tăng thêm do phải hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng theo giá cung cấp dịch vụ tính đủ chi phí sẽ thấp hơn số NSNN phải hỗ trợ trực tiếp cho các đơn vị SNCL như hiện nay nếu duy trì giá không tính đủ chi phí. Vì vậy, về tổng thể sẽ không làm tăng chi NSNN.

VI. Ý KIẾN CÁC BỘ NGÀNH VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

1. Ý kiến các Bộ, ngành, địa phương

1.1. Dự thảo Nghị định đã được Bộ Tài chính gửi lấy ý kiến tham gia của các Bộ, ngành và địa phương 02 lần:

a) Lần thứ nhất: Bộ Tài chính đã có công văn số 15765/BTC-HCSN ngày 18/12/2018 lấy ý kiến các Bộ, địa phương; đăng website của Bộ Tài chính, Công thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi theo quy định. Đến ngày 22/02/2019, Bộ Tài chính đã nhận được 69 ý kiến tham gia, trong đó có 18 ý kiến của các Bộ, ngành; 47 ý kiến của UBND các tỉnh, thành phố; 04 ý kiến của các cơ quan, đơn vị khác.

Tiếp đó, thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/CP ngày 11/6/2019 của Chính phủ; trên cơ sở ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ về nội dung dự thảo Nghị định tại Thông báo số 252/TB-VPCP ngày 22/7/2019 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã có 02 công văn số 8030/BTC-HCSN ngày 12/7/2019 và số 8815/BTC-HCSN ngày 01/8/2019 gửi 08 Bộ liên quan đề nghị cho ý kiến dự thảo Nghị định và cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến đặc thù của lĩnh vực. Bộ Tài chính đã nhận được đầy đủ văn bản của các Bộ: Bộ Tư pháp (*công văn số 2880/BTP-PLDSKT ngày 01/8/2019*), Bộ Văn hóa- Thể thao và Du lịch (*công văn số 2979/BVHTTDL-KHTC ngày 31/7/2019*), Bộ Nội vụ (*công văn số 3678/BNV-TCBC ngày 09/8/2019*), Bộ Khoa học và Công nghệ (*công văn số 2636/BKH-CN-KHTC ngày 26/8/2019*), Bộ Giáo dục và Đào tạo (*công văn số 3447/BGDĐT-*

KHTC ngày 12/8/2019), Bộ Y tế (*công văn số 4915/BYT-KH-TC ngày 23/8/2019*), Bộ Thông tin và Truyền thông (*công văn số 2624/TTTT-KHTC ngày 08/8/2019*), Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội (*công văn số 3455/LĐTBXH-KHTC ngày 09/8/2019*). Về cơ bản ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương là thống nhất với đề xuất xây dựng Nghị định.

Căn cứ vào đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số 11963/BTC-HCSN ngày 8/10/2019, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 229/ BCTĐ-BTP ngày 07/11/2019 đối với đề nghị xây dựng Nghị định. Theo đó, Bộ Tư pháp nhất trí về sự cần thiết ban hành Nghị định, cơ bản nhất trí với dự kiến phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị định; bên cạnh đó có một số ý kiến đề nghị bổ sung, làm rõ một số nội dung trong dự thảo Nghị định.

b) Lần thứ hai: Trên cơ sở ý kiến thẩm định Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 205/TTr-BTC ngày 27/12/2019 trình Chính phủ về lập đề nghị xây dựng Nghị định, kèm theo hồ sơ liên quan. Đến ngày 17/3/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 31/NQ-CP thông qua đề nghị xây dựng Nghị định.

Đồng thời, Bộ Tài chính đã chủ động nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định chi tiết và có công văn số 2202/BTC-HCSN ngày 28/02/2020 và 4489/BTC-HCSN ngày 14/4/2020 lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Tài chính để lấy ý kiến tham gia rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Đến ngày 11/5/2020, Bộ Tài chính đã nhận được 68 ý kiến tham gia, trong đó 21 ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương và 47 ý kiến của các địa phương.

1.2. Về cơ bản, các Bộ, ngành, địa phương đều thống nhất về sự cần thiết ban hành Nghị định và nội dung dự thảo Nghị định. Các ý kiến đóng góp đã được Bộ Tài chính tổng hợp giải trình, tiếp thu (Bảng tổng hợp trình kèm).

2. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (*Nội dung này sẽ bổ sung sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định*)

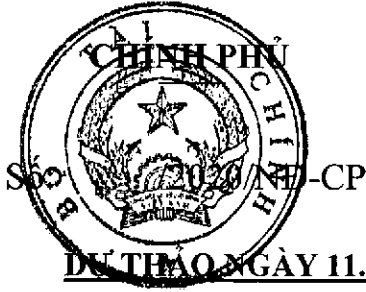
Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL. Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, NSNN;
- Lưu VT, HCSN (16b).

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

NGHỊ ĐỊNH

Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế - dân số; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công hoặc phục vụ quản lý nhà nước (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công).

2. Đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế - dân số; tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Đài Truyền hình Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam; Thông tấn xã Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định này và các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với từng lĩnh vực, tổ chức.

3. Đơn vị sự nghiệp công trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, tổ chức chính trị; đơn vị sự nghiệp công trực thuộc tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp được áp dụng quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Đơn vị sự nghiệp công được thành lập theo *Hiệp định* và cam kết giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ các nước hoặc tổ chức quốc tế thực hiện cơ chế tài chính theo cam kết và *Điều ước quốc tế*.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công” là các quy định về *quyền hạn và trách nhiệm* của đơn vị sự nghiệp công trong việc *thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công*; thu, chi tài chính; *chi, trả thu nhập*; hoạt động liên doanh, liên kết; trích lập và sử dụng các quỹ của đơn vị.

2. “Dịch vụ sự nghiệp công” là dịch vụ sự nghiệp trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế - dân số; *bảo trợ xã hội*; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác.

3. “Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước” là dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc danh mục do cấp có thẩm quyền ban hành, được Nhà nước bảo đảm toàn bộ *chi phí* hoặc hỗ trợ một phần chi phí.

4. “Dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước” là dịch vụ sự nghiệp công *được thực hiện theo phương thức xã hội hóa*; giá dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường *do đơn vị tự định giá hoặc do Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc pháp luật chuyên ngành khác có liên quan, bù đắp đủ chi phí và có tích lũy hợp lý cho đơn vị cung cấp*; Nhà nước không *hỗ trợ chi phí*.

5. “Các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác”, gồm: nông nghiệp và phát triển nông thôn, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, công thương, xây dựng, tư pháp, lao động thương binh và xã hội, sự nghiệp khác.

Điều 4. Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tiêu chí xác định dịch vụ sự nghiệp công *cơ bản, thiết yếu* sử dụng ngân sách nhà nước

a) Các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; y tế dự phòng, y tế cơ sở, *bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, hải đảo; khám, chữa các bệnh phong, lao, tâm thần*; nghiên cứu khoa học cơ bản; văn hóa, nghệ thuật dân gian truyền thống, đào tạo huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên thể thao quốc gia; chăm sóc người có công và *bảo trợ xã hội*; các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành;¹

¹ Nghị quyết 19-NQ/TW. *Xây dựng và hoàn thiện các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo nguyên tắc: Đối với các dịch vụ thiết yếu thì Nhà nước bảo đảm kinh phí; đối với các dịch vụ cơ bản thì Nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện. Ngân sách nhà nước bảo đảm đầu tư cho các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, y tế dự phòng, y tế cơ sở, khám, chữa các bệnh phong, lao, tâm thần, nghiên cứu khoa học cơ bản, văn hoá, nghệ thuật dân gian truyền thống, đào tạo huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên thể thao quốc gia; bảo trợ xã hội và chăm sóc người có công, ..) và đối với các đơn vị sự nghiệp công lập ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người (Khoản 6 Hoàn thiện thể chế tài chính; Mục III Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể).*

b) Khung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo các lĩnh vực quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (sau đây gọi là Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ).

2. Ngân sách nhà nước chuyển từ hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.²

Việc bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thực hiện theo phân cấp hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và từng bước thực hiện lộ trình điều chỉnh tính đủ các chi phí hình thành giá dịch vụ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Thẩm quyền quy định danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương xác định danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách nhà nước của ngành, lĩnh vực quản lý để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành, sau khi có ý kiến của các Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trên cơ sở danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách nhà nước của ngành, lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ quy định, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương ban hành theo thẩm quyền danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan, sau khi có ý kiến của các Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân tỉnh) có trách nhiệm thực hiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công của ngành, lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ ban hành và trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp, thuộc phạm vi quản lý của địa phương, phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, ngoài danh mục dịch vụ sự nghiệp công do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

4. Trường hợp chưa có danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách nhà nước của ngành, lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ ban hành; căn cứ các quy định về dịch vụ sự nghiệp công tại các văn bản pháp luật

² Điểm 6 Mục III Nghị quyết 19-NQ/TW: *Ngân sách nhà nước chuyển từ hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Thực hiện cơ chế giao vốn, tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập, xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về tài chính và tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập trong toàn quốc.*

chuyên ngành, sau khi thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, các Bộ, cơ quan Trung ương ban hành theo thẩm quyền danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ, cơ quan; Ủy ban nhân dân tỉnh *trình Hội đồng nhân dân tỉnh* ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của địa phương để thực hiện.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công *cơ bản, thiết yếu* sử dụng ngân sách nhà nước của ngành, lĩnh vực; các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện rà soát, điều chỉnh và ban hành theo thẩm quyền danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương cho phù hợp với danh mục dịch vụ sự nghiệp công của ngành, lĩnh vực.

Điều 5. Giá, phí dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Giá dịch vụ sự nghiệp công *cơ bản, thiết yếu* sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành và lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại khoản 3 Điều này; trong đó:

a) Chi phí tiền lương trong giá dịch vụ sự nghiệp công tính theo mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản đóng góp theo tiền lương theo quy định của Nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công hoặc tính theo mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ và các khoản đóng góp theo tiền lương theo quy định của Nhà nước và định mức lao động do các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền.

b) Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và *lộ trình kết cấu chi phí khấu hao vào giá dịch vụ sự nghiệp công do cấp có thẩm quyền quy định (nếu có)*.³

2. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí để xây dựng đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định *theo quy định của pháp luật về giá* hoặc mức bình quân chi phí *hợp lý, hợp lệ* thực hiện của 05 năm trước liền kề.

3. Lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

a) *Đến hết năm 2021, cơ bản hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về giá); trường hợp do khó khăn khách quan cần xây dựng lộ trình khác, các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định*.⁴

³ Khoản 3 Điều 11 (Xác định chi phí và giá thành toàn bộ của hàng hóa, dịch vụ sản xuất kinh doanh trong nước) Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/2/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ: 3. Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và lộ trình kết cấu chi phí khấu hao vào giá sản phẩm do cấp có thẩm quyền quy định (nếu có). Trường hợp chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp phục vụ sản xuất, kinh doanh đã tính trong chi phí sản xuất chung của doanh nghiệp thì không tính tại khoản này.

⁴ Nghị quyết số 19-NQ/TW (điểm 2.2 về mục tiêu cụ thể, Mục II. Quan điểm chỉ đạo và mục tiêu): (i) Giai đoạn đến năm 2021: Hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, (ii) Đến năm 2025, 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện hoàn thành chuyển đổi thành công ty cổ phần

b) Đối với lĩnh vực y tế - dân số, lĩnh vực giáo dục đào tạo, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp: Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; dịch vụ giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp tại cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp của Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật chuyên ngành. *Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội xây dựng đề án riêng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.*

c) Đối với dịch vụ sự nghiệp công đang được Nhà nước đặt hàng theo giá tính đủ chi phí thì tiếp tục thực hiện theo giá tính đủ chi phí.

4. Phương pháp định giá và cơ quan có thẩm quyền định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về giá.

Căn cứ quy định pháp luật về giá và lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này; căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước và *mặt bằng giá thị trường, tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ*; các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể giá dịch vụ sự nghiệp công *theo thẩm quyền hoặc* trình cấp có thẩm quyền ban hành.

Đơn vị sự nghiệp công quyết định mức giá cụ thể cho từng loại dịch vụ đảm bảo trong phạm vi khung giá, mức giá dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cụ thể giá dịch vụ sự nghiệp công, đơn vị sự nghiệp công thực hiện thu theo mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

5. Phí dịch vụ sự nghiệp công

Dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục thu phí thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí. Đơn vị sự nghiệp công thu phí theo mức thu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 6. Dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước

1. Dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước gồm:

a) Dịch vụ không thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

b) Dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công được cung cấp từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết *phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đơn vị để* đáp ứng nhu cầu của xã hội theo quy định *của pháp luật có liên quan.*

2. Đơn vị sự nghiệp công được tự chủ sử dụng tài sản và các nguồn lực ở đơn vị để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được cấp có thẩm quyền giao theo nguyên tắc:

a) Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật;

b) Xác định giá dịch vụ theo cơ chế thị trường, được quyết định các khoản thu, mức thu bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý; *trường hợp dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì thực hiện theo mức giá cụ thể, khung giá do cơ quan có thẩm quyền quy định.*

3. Đơn vị sự nghiệp công được tự chủ quyết định *các khoản chi để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đảm bảo tính hợp lệ, hợp lý* và quy chế chi tiêu nội bộ; phải *tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán, mở sổ sách kế toán, sử dụng, quản lý chứng từ, tổ chức hạch toán*, theo dõi riêng đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác doanh thu và phân bổ đầy đủ, *chính xác chi phí đối với từng hoạt động; đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ kiểm toán nội bộ đầy đủ, định kỳ; thực hiện chế độ báo cáo tài chính đúng, kịp thời với các cơ quan quản lý cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công chịu trách nhiệm về hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai được Nhà nước giao quản lý, sử dụng; nguồn lực nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về đất đai.*

4. Trường hợp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước có *chênh lệch thu nhỏ hơn chi*, đơn vị phải tính toán bù đắp khoản thiếu hụt bằng các nguồn kinh phí hợp pháp của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bù.

Điều 7. Quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

1. Đơn vị sự nghiệp công thực hiện quản lý, sử dụng vốn đầu tư công (bao gồm cả nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác dành để đầu tư) theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về *quản lý nợ công*.

2. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư *trung hạn*, hằng năm cho đơn vị sự nghiệp công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về *quản lý nợ công*.

Điều 8. Quản lý, sử dụng tài sản công

1. Đơn vị sự nghiệp công (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên) có trách nhiệm quản lý, sử dụng và áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Đơn vị sự nghiệp công phải trích khấu hao và *tính* hao mòn tài sản cố định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Số tiền trích khấu hao tài sản cố định được bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị. Trường hợp tài sản cố định được đầu tư, mua sắm từ nguồn vốn vay, vốn huy động thì số tiền trích khấu hao tài sản cố định được dùng để trả nợ; *số tiền trích khấu hao tài sản cố định còn lại sau khi trả nợ* được bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị. *Tài sản được hình thành từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn tài chính hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công là tài sản, vốn của nhà nước.*⁵

⁵ Điều 50 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định hình thành tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1 Nguồn hình thành tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm: a) Tài sản công bằng hiện vật do Nhà nước giao theo quy định áp dụng đối với cơ quan nhà nước tại Điều 29 của Luật này; b) Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khấu hao tài sản, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật, c) Tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay, vốn huy động, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2 Việc hình thành tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật này.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công có trách nhiệm *căn cứ quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định quản lý tài chính tại Nghị định này* để ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Phân loại mức tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công

1. Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (sau đây gọi là đơn vị nhóm 1) là đơn vị đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Đơn vị có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên xác định theo phương án quy định tại Điều 10 Nghị định này, bằng hoặc lớn hơn 100%; có mức tự bảo đảm chi đầu tư bằng hoặc lớn hơn mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định của đơn vị.

Mức tự bảo đảm chi đầu tư được xác định bao gồm các nguồn sau:

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, gồm số dư Quỹ của năm trước liền kề thời điểm xây dựng phương án tự chủ và số dự kiến trích lập trong *năm kế hoạch hoặc của bình quân 05 năm trước liền kề*;

- Số thu phí được để lại để chi thường xuyên *không giao tự chủ* theo quy định.

b) Đơn vị cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, giá dịch vụ sự nghiệp công xác định theo cơ chế thị trường, *có tính đủ khấu hao tài sản cố định và có tích lũy dành chi đầu tư*.

2. Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi là đơn vị nhóm 2) là đơn vị đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Đơn vị có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên xác định theo phương án quy định tại Điều 10 Nghị định này, bằng hoặc lớn hơn 100% và chưa tự bảo đảm chi đầu tư từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn thu phí được để lại chi theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) *Đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, được nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí (không bao gồm khấu hao tài sản cố định)*.

3. Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (sau đây gọi là đơn vị nhóm 3) là đơn vị có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên xác định theo phương án quy định tại Điều 10 Nghị định này từ trên 10% đến dưới 100% và được phân loại như sau:

a) Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên;

b) Đơn vị tự bảo đảm từ 50% đến dưới 70% chi thường xuyên;

c) Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 50% chi thường xuyên.

3. Đối với việc hình thành tài sản công quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, ngoài việc tuân thủ nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật này còn phải thực hiện các quy định sau đây: a) Có đề án liên doanh, liên kết, phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự chịu trách nhiệm trả nợ và các chi phí khác có liên quan; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hiệu quả của việc vay vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết;

Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp quy định tại Điều 10 Nghị định này để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Đơn vị sự nghiệp công do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi là đơn vị nhóm 4) gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên xác định theo phương án quy định tại Điều 10 Nghị định này dưới 10%;

b) Đơn vị sự nghiệp công không có nguồn thu sự nghiệp.

Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán chi thường xuyên trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên

1. Công thức xác định

$$\text{Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (\%)} = \frac{A}{B} \times 100\%$$

Trong đó:

a) A gồm các khoản thu quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 11; điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 15; khoản 2 Điều 19 của Nghị định này. Trong đó, đối với khoản thu quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 và điểm b khoản 2 Điều 15 chỉ xác định chênh lệch thu lớn hơn chi (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước).

b) B gồm các khoản chi quy định tại Điều 12, Điều 16, Điều 20 của Nghị định này; không bao gồm các khoản chi thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

2. Giá trị A và B quy định tại khoản 1 Điều này được tính trên cơ sở dự toán thu, chi tại thời điểm đơn vị xây dựng phương án tự chủ tài chính để trình cấp có thẩm quyền, quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG

Mục 1

TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYỀN VÀ CHI ĐẦU TƯ (ĐƠN VỊ NHÓM 1) VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYỀN (ĐƠN VỊ NHÓM 2)

Điều 11. Nguồn tài chính của đơn vị

1. Nguồn thu từ ngân sách nhà nước

a) Thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định;

b) Thu từ thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ *khi* được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ;

c) Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao (nếu có), gồm: Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao; dự toán kinh phí được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao cho đơn vị sự nghiệp công để thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá để đặt hàng;

d) Vốn đầu tư phát triển của dự án đầu tư xây dựng cơ bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật đầu tư công (nếu có). Riêng đối với đơn vị nhóm 1, căn cứ yêu cầu phát triển của đơn vị, Nhà nước xem xét bố trí vốn cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đang triển khai theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Đơn vị sự nghiệp công quản lý, sử dụng vốn đầu tư phát triển theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Nguồn thu hoạt động sự nghiệp

a) Thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công;

b) Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công;

c) Thu từ cho thuê tài sản công: Đơn vị phải thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê tài sản công.⁶

3. Nguồn thu phí được để lại đơn vị sự nghiệp công để chi theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

4. Nguồn vốn vay (trong đó bao gồm vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đối với đơn vị nhóm 1); vốn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.⁷

⁶ Điều 57 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê: 1 Đơn vị sự nghiệp công lập được cho thuê tài sản công trong các trường hợp sau đây: a) Tài sản được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao nhưng chưa sử dụng hết công suất, b) Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt để cho thuê mà không do ngân sách nhà nước đầu tư. 2. Thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như sau: a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án cho thuê đối với tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác có giá trị lớn theo quy định của Chính phủ, b) Hội đồng quản lý hoặc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt đề án cho thuê đối với tài sản không thuộc quy định tại điểm a khoản này.

⁷ Khoản 2 Điều 36 Luật Quản lý nợ công quy định điều kiện được vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài: 2 Đơn vị sự nghiệp công lập phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: a) Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn vay và trả nợ theo quy định của pháp luật; b) Có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng vốn vay, đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật; c) Có phương án tài chính khả thi được cấp có thẩm quyền thẩm định theo quy định tại Điều 38 của Luật này; d) Không có nợ quá hạn tại thời điểm đề nghị vay lại, đ) Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật

5. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 12. Chi thường xuyên giao tự chủ

Đơn vị sự nghiệp công được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 3 (phần được để lại để chi thường xuyên phục vụ công tác thu phí) và khoản 5 Điều 11 của Nghị định này để chi thường xuyên. Một số nội dung chi được quy định như sau:

1. Chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương

a) Đối với đơn vị nhóm 1: Căn cứ tình hình tài chính, đơn vị sự nghiệp công được thực hiện cơ chế tự chủ tiền lương theo kết quả hoạt động như doanh nghiệp (Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hạng I); quyết định mức lương chi trả cho viên chức, người lao động.

b) Đối với đơn vị nhóm 2: Căn cứ tình hình tài chính, đơn vị sự nghiệp công được thực hiện cơ chế tự chủ tiền lương theo kết quả hoạt động như doanh nghiệp (Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hạng II); quyết định mức lương chi trả cho viên chức, người lao động.

Đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2 xác định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện và phân phối tiền lương theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Căn cứ vào quỹ tiền lương thực hiện, đơn vị sự nghiệp công được trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau. Mức dự phòng hàng năm do đơn vị quyết định nhưng không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện. Việc trích lập quỹ dự phòng tiền lương phải đảm bảo sau khi trích lập, đơn vị có chênh lệch thu lớn hơn chi, trường hợp đơn vị không có chênh lệch thu lớn hơn chi thì không được trích đủ 17%.⁸

Trường hợp năm trước liền kề đơn vị có trích lập quỹ dự phòng tiền lương mà sau 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, đơn vị chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết thì đơn vị phải hoàn nhập dự phòng.

d) Khi Nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương, đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bổ sung.

đ) Việc chi trả tiền lương cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Căn cứ *yêu cầu thực tế, mức giá thực tế trên thị trường địa bàn nơi đơn vị sự nghiệp công đóng trụ sở chính và dự toán ngân*

⁸ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ, theo đó, Khoản 1 Điều 7 quy định phân phối tiền lương: 1. Căn cứ vào quỹ tiền lương thực hiện, công ty được trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau. Quỹ dự phòng của công ty không được vượt quá 17% quỹ tiền lương thực hiện. Đối với công ty sản xuất, kinh doanh có tính mùa vụ thì quỹ dự phòng không vượt quá 20% quỹ tiền lương thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này.

sách nhà nước giao, khả năng tài chính, đơn vị được quyết định mức chi cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị tương xứng với nhiệm vụ được giao.⁹

3. Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý.

a) Đối với các nội dung chi đã có định mức kinh tế kỹ thuật, chế độ chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, căn cứ yêu cầu thực tế, mức giá thực tế trên thị trường địa bàn địa phương của đơn vị sự nghiệp công và khả năng tài chính, đơn vị được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị *nhưng không vượt quá mặt bằng chung của thị trường và không thay đổi về tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo quy định Nhà nước*;

b) Đối với các nội dung chi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, căn cứ tình hình thực tế, đơn vị xây dựng mức chi cho phù hợp theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Chi thực hiện công việc, dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật phí, lệ phí; chi thực hiện các hoạt động dịch vụ.

5. Trích lập các khoản dự phòng theo quy định đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định thành lập các quỹ đặc thù để xử lý rủi ro (nếu có).

6. Chi trả lãi tiền vay theo quy định của pháp luật (nếu có).

7. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 13. Chi thường xuyên không giao tự chủ và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi thường xuyên không giao tự chủ bao gồm:

a) Chi thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị định này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật đối với từng nguồn kinh phí.

b) Chi mua sắm tài sản, sửa chữa lớn phục vụ công tác thu phí từ nguồn thu phí được để lại (phần được để lại chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ công tác thu phí);

c) Chi từ nguồn vay nợ, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

2. Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đơn vị thực hiện quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Đơn vị sự nghiệp công phải thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về chế độ công tác phí nước ngoài; chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam.

⁹ Nghị quyết 27-NQ/TW (Điểm 3 1(đ), Mục III): *Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên được giao hằng năm để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao.*

Điều 14. Phân phối kết quả tài chính trong năm

1. Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các *khoản thu, chi phí thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định*, khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên *giao tự chủ* (nếu có), đơn vị sự nghiệp công được sử dụng theo thứ tự như sau:

- a) Trích tối đa 30% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;¹⁰
- b) Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị;
- c) Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật *chuyên ngành*;
- d) Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

2. Sử dụng các Quỹ

a) Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Để đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa lớn cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; mua bản quyền tác phẩm, chương trình (đối với đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực thông tin truyền thông), góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ *sự nghiệp công theo* chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có);

b) Quỹ khen thưởng: Để thưởng *cuối năm, thưởng* định kỳ, *thưởng* đột xuất cho tập thể, cá nhân trong đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. *Mức thưởng do thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công quyết định được ghi trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị*;

c) Quỹ phúc lợi: Để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi *của đơn vị*; *góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng*; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức, *lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa*; chi thêm cho người lao động thực hiện tinh giản biên chế; chi hỗ trợ hoạt động xã hội, từ thiện.

3. Việc sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đầu tư, mua sắm, góp vốn liên doanh, liên kết phải thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp

¹⁰ Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Theo đó, điểm a khoản 3 Điều 31 (Phân phối lợi nhuận) quy định: Lợi nhuận của doanh nghiệp nhà nước sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau: 1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có), 2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định, 3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự như sau: a) Trích quỹ đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có); b) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp...

luật về đầu tư công; pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Mức trích cụ thể của các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này do Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị.

Mục 2

TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI THƯỜNG XUYÊN (ĐƠN VỊ NHÓM 3)

Điều 15. Nguồn tài chính của đơn vị

1. Nguồn thu từ ngân sách nhà nước

a) Thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định;

b) Thu từ thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ nếu được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ;

c) Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

d) Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao (nếu có): Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao; dự toán kinh phí được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao cho đơn vị sự nghiệp công để thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công trong trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá để đặt hàng; kinh phí thực hiện tinh giản biên chế; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức theo Đề án được duyệt;

đ) Vốn đầu tư phát triển của dự án đầu tư xây dựng cơ bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật đầu tư công.

2. Nguồn thu hoạt động sự nghiệp

a) Thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công;

b) Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công;

c) Thu từ cho thuê tài sản công: Đơn vị phải thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê tài sản công.

3. Nguồn thu phí được để lại *đơn vị sự nghiệp công để* chi theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

4. Nguồn vốn vay (*trừ vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài*) của *đơn vị có mức tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên*; nguồn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

5. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 16. Chi thường xuyên giao tự chủ

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính quy định tại điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2, khoản 3 (phần được để lại để chi thường xuyên phục vụ công tác thu phí) và khoản 5 Điều 15 Nghị định này, đơn vị sự nghiệp công được tự chủ quyết định các nội dung chi như sau:

1. Chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương

a) *Đơn vị sự nghiệp công áp dụng chế độ tiền lương theo mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản đóng góp theo tiền lương hoặc theo mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ và các khoản đóng góp theo tiền lương theo quy định của Nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có).*¹¹

b) Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương

Khi Nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương, đơn vị sự nghiệp công tiếp tục sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ (riêng đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế - dân số sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí đã kết cấu vào giá dịch vụ), tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để bảo đảm nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương. Ngân sách nhà nước chỉ cấp bổ sung sau khi đơn vị sử dụng hết Quỹ bổ sung thu nhập và nguồn trích lập cải cách tiền lương.¹²

c) Chi tiền thưởng: Thực hiện theo quy định của Chính phủ về hệ thống bảng lương mới theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo.

2. Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Căn cứ *yêu cầu thực tế, mức giá thực tế trên thị trường địa bàn nơi đơn vị sự nghiệp công đóng trụ sở chính và dự toán ngân sách nhà nước giao*, khả năng tài chính, đơn vị được quyết định mức chi cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý

a) Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên

¹¹ Nghị quyết 27-NQ/TW (Điểm 3 l (d), Khoản 3, Mục II. Quan điểm chỉ đạo): *Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên thì áp dụng chế độ tiền lương như công chức.*

¹² Nghị quyết 27-NQ/TW (Khoản 4 Mục III. Giải pháp cụ thể): *Đối với đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên, tiếp tục sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ (riêng ngành Y tế sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí đã kết cấu vào giá dịch vụ), tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để bảo đảm nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương*

Đối với các nội dung chi đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, *căn cứ yêu cầu thực tế, mức giá thực tế trên thị trường địa bàn nơi đơn vị sự nghiệp công đóng trụ sở chính và khả năng tài chính*, đơn vị được quyết định mức chi cao hơn (trong trường hợp đơn vị chi từ nguồn thu sự nghiệp, không phải nguồn ngân sách nhà nước) hoặc bằng hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị *nhưng không vượt quá mặt bằng chung của thị trường và không thay đổi về tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo quy định Nhà nước*.

Đối với các nội dung chi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, căn cứ tình hình thực tế, đơn vị sự nghiệp công xây dựng mức chi cho phù hợp theo quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

b) Đơn vị tự bảo đảm từ 50% đến dưới 70% chi thường xuyên và đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 50% chi thường xuyên

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính, đơn vị được quyết định mức chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý, nhưng tối đa không vượt quá mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Đối với các nội dung chi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, căn cứ tình hình thực tế, đơn vị xây dựng mức chi cho phù hợp từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị, quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Chi phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật phí, lệ phí; chi cho các hoạt động dịch vụ.

5. Trích lập các khoản dự phòng đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết và dịch vụ khác theo quy định đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định thành lập các quỹ đặc thù để xử lý rủi ro (nếu có).

6. Chi trả lãi tiền vay của đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100% (nếu có).

7. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 17. Chi thường xuyên không giao tự chủ và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Căn cứ nguồn tài chính quy định tại điểm b và điểm d khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 15 của Nghị định này, đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Nghị định này.

Điều 18. Phân phối kết quả tài chính trong năm

Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi phí thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định này, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phân chênh lệch thu

lớn hơn chi hoạt động thường xuyên *giao tự chủ* (nếu có), đơn vị được sử dụng theo thứ tự như sau:

1. Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp

Đơn vị sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Nghị định này. Mức trích quy định như sau:

a) Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên: Trích lập tối thiểu 20%;

b) Đơn vị tự bảo đảm từ 50% đến dưới 70% chi thường xuyên: Trích lập tối thiểu 15%;

c) Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 50% chi thường xuyên: Trích lập tối thiểu 10%.

2. Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập

Đơn vị sử dụng Quỹ bổ sung thu nhập để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm. Việc chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác. Mức trích cụ thể như sau:

a) Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên: Được chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của viên chức, người lao động của đơn vị;

b) Đơn vị tự bảo đảm từ 50% đến dưới 70% chi thường xuyên: Được chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,5 lần quỹ lương cơ bản của viên chức, người lao động của đơn vị;

c) Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 50% chi thường xuyên: Được chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,3 lần quỹ lương cơ bản của viên chức, người lao động của đơn vị.

3. Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi

Đơn vị sử dụng Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định này; mức trích như sau:

a) Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên: Trích lập tối đa không quá 2,5 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị;

b) Đơn vị tự bảo đảm từ 50% đến dưới 70% chi thường xuyên: Trích lập tối đa không quá 2 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị;

c) Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 50% chi thường xuyên: Trích lập tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị.

4. Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật.

5. Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

6. Mức trích cụ thể của các quỹ quy định tại Điều này do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị.

Mục 3

TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG DO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN (ĐƠN VỊ NHÓM 4)

Điều 19. Nguồn tài chính của đơn vị

1. Nguồn thu từ ngân sách nhà nước, gồm:

a) Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định này;

b) Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao (nếu có) quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Nghị định này;

c) Vốn đầu tư phát triển của dự án đầu tư xây dựng cơ bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật đầu tư công.

2. Nguồn thu hoạt động sự nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công (nếu có).

3. Nguồn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chi thường xuyên giao tự chủ

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định này, đơn vị sự nghiệp công được tự chủ quyết định các nội dung chi như sau:

1. Chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương

a) Đơn vị sự nghiệp công áp dụng chế độ tiền lương theo mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản đóng góp theo tiền lương hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ và các khoản đóng góp theo tiền lương theo quy định của Nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có).¹³

a) Đơn vị sự nghiệp công áp dụng chế độ tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản đóng góp theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ và các khoản đóng góp theo tiền lương theo quy định của Nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công hoặc tính theo mức lương theo quy định của Nhà nước; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có).¹⁴

b) Về nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương

Khi Nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương, đơn vị sự nghiệp công thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hàng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để thực hiện cải

¹³ Nghị quyết 27-NQ/TW (Điểm 3 1 (đ), Khoản 3, Mục II Quan điểm chỉ đạo). Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên thì áp dụng chế độ tiền lương như công chức.

¹⁴ Nghị quyết 27-NQ/TW: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên thì áp dụng chế độ tiền lương như công chức.

*cách chính sách tiền lương. Ngân sách nhà nước chỉ cấp bổ sung sau khi đơn vị sử dụng hết nguồn trích lập cải cách tiền lương.*¹⁵

c) Chi tiền thưởng: Thực hiện theo quy định của Chính phủ về hệ thống bảng lương mới theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo.

2. Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Mức chi cụ thể thực hiện theo quy định chung về tiền lương, tiền công của Nhà nước.¹⁶

3. Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính, đơn vị được quyết định mức chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý, nhưng tối đa không vượt quá mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

4. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 21. Chi thường xuyên không giao tự chủ và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Căn cứ nguồn tài chính được giao tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 19 Nghị định này, đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

Điều 22. Phân phối kết quả tài chính trong năm

1. Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi phí thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định này, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phân chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nếu có) được xác định là kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được.

2. Đơn vị sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo thứ tự như sau:¹⁷

¹⁵ Nghị quyết số 27-NQ/TW. Đơn vị sự nghiệp công lập không có nguồn thu do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để thực hiện cải cách chính sách tiền lương

¹⁶ Nghị quyết 27-NQ/TW (Điểm 3 I(đ), Mục III): Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên được giao hằng năm để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao.

¹⁷ Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, theo đó, Điều 8 (Sử dụng kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được) quy định:

1. Kết thúc năm ngân sách, sau khi đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ có số chi thực tế thấp hơn dự toán kinh phí quản lý hành chính được giao để thực hiện chế độ tự chủ thì phân chênh lệch này được xác định là kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được.

2. Phạm vi sử dụng kinh phí tiết kiệm được: a) Bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức: cơ quan thực hiện chế độ tự chủ được áp dụng hệ số tăng thêm quỹ tiền lương tối đa không quá 1,0 lần so với mức tiền lương cấp bậc, chức vụ do nhà nước quy định để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức. Trên cơ sở tổng nguồn kinh phí được phép chi trên đây, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ quyết định phương án chi trả thu nhập tăng thêm cho từng cán bộ, công chức (hoặc cho từng bộ phận trực thuộc) theo nguyên tắc phân gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người (hoặc của từng bộ phận trực thuộc).

b) Chi khen thưởng và phúc lợi, chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân theo kết quả công tác và thành tích đóng góp, chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của cán bộ, công chức; trợ cấp khó khăn đột xuất cho cán bộ, công chức, kể cả đối với những trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức, chi thêm cho người lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế;

c) Khi xét thấy khả năng tiết kiệm kinh phí không ổn định, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ có thể trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức

Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng

a) *Bổ sung thu nhập cho viên chức, người lao động: Đơn vị được áp dụng hệ số tăng thêm quỹ tiền lương theo quy định của Chính phủ về chế độ tự chủ kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước để chi trả thu nhập tăng thêm cho viên chức, người lao động theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người.*

b) *Chi khen thưởng và phúc lợi: Chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân theo kết quả công tác và thành tích đóng góp; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của viên chức, người lao động; trợ cấp khó khăn đột xuất cho viên chức, người lao động, kể cả đối với những trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế.*

c) *Khi xét thấy khả năng tiết kiệm kinh phí không ổn định, đơn vị có thể trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho viên chức, người lao động.*

Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

3. Thủ trưởng đơn vị quyết định phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm nêu trên theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị.

Mục 4

TỰ CHỦ VỀ GIAO DỊCH TÀI CHÍNH VÀ LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Điều 23. Mở tài khoản giao dịch

1. Đơn vị sự nghiệp công mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để quản lý các nguồn kinh phí sau:

a) *Đối với các khoản thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí: Đơn vị mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước.*

b) *Đối với nguồn kinh phí Ngân sách nhà nước cấp, bao gồm các khoản thu, chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: Đơn vị mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.*

c) *Đối với các khoản thu học phí, viện phí theo mức giá quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chi theo chế độ Nhà nước quy định chung.*

2. Đơn vị sự nghiệp công được mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại trong các trường hợp sau

a) *Các khoản thu, chi hoạt động dịch vụ (kể cả số thu từ đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định, trừ các khoản thu, chi dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước), sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;*

b) *Các Quỹ được trích lập theo quy định tại Nghị định này.*

Điều 24. Huy động vốn và vay vốn tín dụng

1. Đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2 trong lĩnh vực y tế - dân số¹⁸ được vay vốn của các tổ chức tín dụng để đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất theo quy định của pháp luật về đầu tư công; vay vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước hoặc được hỗ trợ lãi suất cho các dự án đầu tư sử dụng vốn vay của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Đơn vị nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3 (đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên) có hoạt động dịch vụ được vay vốn của các tổ chức tín dụng, được huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị để đầu tư mở rộng, cải tạo, sửa chữa lớn cơ sở vật chất hiện có; mua bổ sung trang thiết bị để nâng cao chất lượng và tăng quy mô hoạt động sự nghiệp, tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tự chịu trách nhiệm trả nợ vay theo quy định của pháp luật. Việc huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật dân sự.

3. Các dự án đầu tư từ nguồn vốn vay tín dụng, huy động vốn phải thực hiện theo quy định của pháp luật, công khai, dân chủ trong đơn vị và báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để biết, theo dõi, kiểm tra thực hiện.

4. Khi thực hiện vay vốn, huy động vốn để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản, đơn vị sự nghiệp công phải có phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn; tự chịu trách nhiệm trả nợ, cả gốc và lãi tiền vay theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hiệu quả của việc vay vốn, huy động vốn và hiệu quả sử dụng vốn vay, vốn huy động.

Đối với đơn vị có Hội đồng quản lý hoặc Hội đồng trường, Hội đồng Đại học do Hội đồng chịu trách nhiệm phê duyệt phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn. Trường hợp đơn vị đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản bằng cả nguồn vốn đầu tư công, vốn vay, vốn huy động thì trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật đầu tư công.

5. Đơn vị không được sử dụng tài sản công để thế chấp vay vốn theo quy định tại khoản 5 Điều 54 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.¹⁹

Điều 25. Tự chủ trong hoạt động liên doanh, liên kết

1. Đơn vị sự nghiệp công được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để hoạt động dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội. Việc sử dụng tài sản công để liên doanh liên kết phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Quản lý sử dụng tài sản công.

2. Đơn vị sự nghiệp công xây dựng đề án liên doanh, liên kết trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với đơn vị thuộc trung ương quản

¹⁸ Nghị quyết 93/NQ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách phát triển y tế. Theo đó, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trường đại học y được công (sau đây gọi chung là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công) được hợp tác, đầu tư để thực hiện dự án theo những phương thức sau: Vay vốn để đầu tư xây dựng, thành lập mới cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong khuôn viên đất hiện có và được quyết định tổ chức bộ máy, phương thức quản lý phù hợp.

¹⁹ Khoản 5 Điều 54 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định Đơn vị sự nghiệp công lập không được sử dụng tài sản công để thế chấp hoặc thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự khác trong các trường hợp sau đây: a) Tài sản công do Nhà nước giao; b) Tài sản công được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước; c) Quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quyền sử dụng đất được sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết mà tiền thuê đất đã trả một lần cho cả thời gian thuê không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước sau khi được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương cho phép đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý.

lý) phê duyệt sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý) phê duyệt sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, trong đó phải làm rõ hình thức liên doanh, liên kết (thành lập pháp nhân mới hoặc không thành lập pháp nhân mới); phương án bảo đảm *nguồn tài chính, nguồn nhân lực* cho hoạt động của đơn vị và cơ sở liên doanh, liên kết. Đối với đơn vị đã thành lập Hội đồng quản lý, đơn vị báo cáo Hội đồng quản lý hoặc Hội đồng trường hoặc Hội đồng đại học thông qua đề án trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nghị định này không quy định việc sử dụng tài sản công, thương hiệu, giấy phép, bản quyền tác phẩm để liên doanh liên kết theo hình thức thành lập pháp nhân mới. Trường hợp cần thiết liên doanh liên kết theo hình thức thành lập pháp nhân mới thì đơn vị sự nghiệp công phải thực hiện theo các quy định pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đầu tư, pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan khác.

4. Việc phân chia kết quả của hoạt động liên doanh, liên kết thực hiện theo thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh, liên kết, cụ thể như sau:

a) Đối với hình thức liên doanh, liên kết không thành lập pháp nhân mới: Đơn vị sự nghiệp công thực hiện bổ sung toàn bộ kết quả của hoạt động liên doanh, liên kết vào nguồn tài chính của đơn vị có hoạt động liên doanh, liên kết theo Đề án liên doanh liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với hình thức liên doanh, liên kết thành lập pháp nhân mới: số tiền thu được từ kết quả phân chia của hoạt động liên doanh, liên kết sau khi chi trả các chi phí lãi vay, chi phí thuê tài sản đem đi góp vốn (nếu có); phần thu nhập được chia còn lại của đơn vị sự nghiệp công được quản lý và sử dụng theo Đề án liên doanh liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Trường hợp sử dụng thương hiệu, giấy phép, bản quyền tác phẩm để liên doanh liên kết và các trường hợp đặc thù khác, đơn vị thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; *pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan*. Khi xác định giá trị thương hiệu để góp vốn liên doanh, liên kết theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, một số chỉ tiêu tài chính của đơn vị sự nghiệp công sử dụng trong thẩm định giá được xác định như sau:

a) Thu nhập của đơn vị sự nghiệp công được xác định trên cơ sở chênh lệch thu chi trước lãi vay, sau thuế cộng khấu hao;

b) Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu của đơn vị sự nghiệp công được xác định theo lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm hoặc kỳ hạn dài nhất gần thời điểm thẩm định giá;

c) Giá trị của các tài sản đóng góp trong cách tiếp cận từ thu nhập được xác định theo giá trị sổ sách kế toán.

Chương III

TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG

TRONG LĨNH VỰC Y TẾ - DÂN SỐ; GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO; GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Mục 1 TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG TRONG LĨNH VỰC Y TẾ - DÂN SỐ

Điều 26. Tự chủ sử dụng nguồn tài chính

Việc tự chủ sử dụng nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế - dân số thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 16 và Điều 20 Nghị định này và các quy định sau:

1. Đơn vị sự nghiệp công được thuê các đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật y tế để đáp ứng yêu cầu chuyên môn trong trường hợp đơn vị sự nghiệp công không có đủ trang thiết bị để thực hiện các dịch vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Thẩm quyền quyết định như sau:

a) Đối với đơn vị nhóm 1 và nhóm 2: Hội đồng quản lý thông qua *đề án thuê dịch vụ*, trong đó: danh mục các dịch vụ cần thuê; *khối lượng*; tiêu chuẩn, chất lượng và *giá* của dịch vụ đi thuê (nếu có); phương thức thanh toán; trách nhiệm của *đơn vị sự nghiệp công* và bên cung cấp dịch vụ. Trường hợp đơn vị chưa thành lập Hội đồng quản lý, thủ trưởng đơn vị quyết định việc thuê đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật y tế;

b) Đối với đơn vị nhóm 3 và nhóm 4: Đơn vị có văn bản gửi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý) phê duyệt, trong đó: danh mục các dịch vụ cần thuê; *khối lượng*; tiêu chuẩn, chất lượng và *giá* của dịch vụ đi thuê (nếu có); phương thức thanh toán; trách nhiệm của *đơn vị sự nghiệp công* và bên cung cấp dịch vụ;

c) Việc thuê đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

d) Chi phí thuê các đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật y tế được hạch toán vào chi phí hợp lý của đơn vị.

2. Chi phẫu thuật, thủ thuật

a) Đối với đơn vị nhóm 1 và nhóm 2: Thủ trưởng đơn vị căn cứ nguồn thu để quyết định mức chi bồi dưỡng phẫu thuật, thủ thuật cao hơn *hoặc bằng* hoặc thấp hơn mức quy định của Nhà nước và phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Đối với đơn vị nhóm 3 và nhóm 4: Thủ trưởng đơn vị căn cứ nguồn thu sự nghiệp *của đơn vị* để quyết định mức chi bồi dưỡng phẫu thuật, thủ thuật bằng hoặc thấp hơn mức quy định của Nhà nước và phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

3. Phân phối kết quả tài chính trong năm

a) Đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế - dân số thực hiện phân phối kết quả tài chính trong năm theo quy định tại Điều 14, Điều 18 và Điều 22 Nghị định này.

b) Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tùy theo khả năng nguồn tài chính trích lập Quỹ hỗ trợ khám, chữa bệnh để hỗ trợ cho đối tượng chính sách thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo hoặc gia đình có khó khăn về kinh tế.

Nội dung hỗ trợ gồm: Tiền ăn khi điều trị nội trú; tiền đi lại từ nhà đến bệnh viện, từ bệnh viện về nhà và chuyển bệnh viện; chi phí khám bệnh, chữa bệnh ngoài phạm vi được Quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho người mắc bệnh ung thư, chạy thận nhân tạo, mổ tim hoặc các bệnh khác có chi phí cao mà người bệnh không đủ khả năng chi trả.

Thủ trưởng đơn vị xây dựng quy chế hỗ trợ, bảo đảm công khai, minh bạch.

Điều 27. Phân bổ, giao dự toán đối với đơn vị nhóm 3

1. Ngân sách nhà nước **bảo đảm** kinh phí để thực hiện các hoạt động chỉ thường xuyên về y tế dự phòng (bao gồm cả trạm y tế xã, phường, thị trấn), nâng cao sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm, bao gồm:

a) Chi tiền lương cho viên chức, người lao động theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ; các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo tiền lương do Nhà nước quy định: Được xác định trên cơ sở số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện các nhiệm vụ. Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ các nguồn theo quy định; trường hợp còn thiếu, ngân sách nhà nước cấp bổ sung;

b) Chi phí vận hành và bảo đảm hoạt động thường xuyên (bao gồm cả chi phí nghiệp vụ chuyên môn về thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình bệnh dịch; chi phí thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi và quản lý sức khỏe theo từng người dân trên địa bàn; chi thực hiện các biện pháp để chủ động phòng, chống dịch bệnh) và các khoản chi đặc thù khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao và chế độ quy định.

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị làm nhiệm vụ khám, chữa bệnh, chăm sóc, nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần theo cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trên cơ sở số lượng đối tượng và đơn giá khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng của các đối tượng được cung cấp dịch vụ.

3. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí theo nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này trong trường hợp đơn vị chưa tự bảo đảm được chỉ thường xuyên đối với các hoạt động: Khám, chữa bệnh, kiểm dịch y tế, y tế dự phòng, dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản; truyền thông giáo dục sức khỏe; giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, giám định y khoa; kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, nguyên liệu làm thuốc; kiểm định vắc xin, sinh phẩm; kiểm nghiệm an toàn thực phẩm, kiểm chuẩn, hiệu chuẩn.

Điều 28. Xác định phân loại mức bảo đảm chi thường xuyên đối với Trung tâm y tế đa chức năng

1. Trung tâm y tế đa chức năng thực hiện xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp số thu theo giá dịch vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm đảm bảo được chi thường xuyên hoặc bảo đảm được cả chi thường xuyên và chi đầu tư cho hoạt động khám, chữa bệnh: Trung tâm được phân loại, giao thực hiện tự chủ vào nhóm tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc nhóm tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đối với hoạt động khám chữa bệnh. Đối với các hoạt động dự phòng, dân số, an toàn thực phẩm, hoạt động của các trạm y tế xã, phường, thị trấn được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định này.

2. Trung tâm được sử dụng nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh theo quy định tại khoản 1 Điều này và ngân sách nhà nước cấp cho các hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định này để chi cho các hoạt động của Trung tâm. Chênh lệch thu lớn chi được sử dụng để trích lập các quỹ theo quy định tại Nghị định này và chi cho toàn bộ viên chức, người lao động của trung tâm (bao gồm các trạm y tế xã, phường, thị trấn) theo quy chế chi tiêu nội bộ.

Mục 2

TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO; GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 29. Điều kiện tự chủ tài chính của cơ sở giáo dục đại học

Cơ sở giáo dục đại học được thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây:

1. Đã thành lập hội đồng trường, hội đồng đại học và được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

2. Đã ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động của hội đồng trường hoặc hội đồng đại học; quy chế phối hợp giữa hội đồng trường hoặc hội đồng đại học, đảng ủy và nhà trường; quy chế tổ chức và hoạt động; quy chế dân chủ; quy chế quản lý đào tạo, khoa học công nghệ, học sinh sinh viên, tài chính tài sản và có chính sách bảo đảm chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng do Nhà nước quy định.

3. Thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong cơ sở giáo dục đại học.

4. Xây dựng đề án tự chủ và thực hiện công khai đầy đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Tự chủ tài chính

1. Nguồn tài chính

Nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 15 và Điều 19 Nghị định này; trong đó nguồn thu hoạt động sự nghiệp gồm:

a) Thu học phí theo quy định khung của Chính phủ; đối với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, thu học phí theo quy định của Luật Giáo dục Đại học và Luật Giáo dục nghề nghiệp;

b) Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ, gồm: Thu dịch vụ giáo dục đào tạo theo phương thức giáo dục thường xuyên; thu dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ, bổ sung kiến thức, kỹ năng để cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận đào tạo và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn khác; thu dịch vụ tư vấn giáo dục đào tạo; thu từ hoạt động hợp tác đào tạo với doanh nghiệp; thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ; các dịch vụ khác phù hợp với chức năng nhiệm vụ của cơ sở giáo dục đào tạo và quy định của pháp luật. Các khoản thu dịch vụ phải được quy định cụ thể và công khai.

2. Sử dụng nguồn tài chính

Đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo quyết định sử dụng nguồn thu của đơn vị để chi cho các hoạt động thường xuyên, bảo đảm đạt chuẩn chất lượng đầu ra theo đúng cam kết. Việc tự chủ sử dụng nguồn tài chính thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 16 và Điều 20 Nghị định này và các quy định sau:

a) Chi học bổng khuyến khích học tập, miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên; các khoản chi hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên (nếu có) trong các cơ sở giáo dục đào tạo theo quy định của nhà nước;

b) Chi đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đào tạo thực hiện theo quy định và được hạch toán vào chi phí hợp lý của đơn vị.

3. Phân phối kết quả tài chính trong năm

a) Đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục đào tạo thực hiện phân phối kết quả tài chính trong năm theo quy định tại Điều 14, Điều 18 và Điều 22 Nghị định này.

b) Ngoài quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, tùy theo khả năng nguồn tài chính, đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục đào tạo thực hiện trích lập Quỹ hỗ trợ học sinh, sinh viên. Việc quản lý, sử dụng Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo) và Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội (đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp).

Điều 31. Tự chủ tài chính của đại học vùng

Tự chủ tài chính của đại học vùng thực hiện theo quy định tại Nghị định này và các quy định sau:

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cụ thể về tự chủ tài chính của đại học vùng.

2. Đại học vùng xây dựng quy chế tài chính báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt để thực hiện. Quy chế tài chính của đại học vùng thể hiện các quy định, tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật để thống nhất nguyên tắc thu, chi tài chính trong phạm vi đại học vùng.

3. Căn cứ quy chế tài chính của đại học vùng được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, Giám đốc đại học vùng ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của đại học vùng, thủ trưởng các đại học thành viên, đơn vị trực thuộc đại học vùng ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

4. Đại học vùng được quyết định các khoản thu và mức thu của các đơn vị trực thuộc, các trường đại học thành viên là đơn vị nhóm 3 và nhóm 4 theo đúng quy định của pháp luật. Các đơn vị trực thuộc, các trường đại học thành viên của đại học vùng là đơn vị nhóm 1 và nhóm 2 được quyết định các khoản thu sự nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

CHƯƠNG IV

LẬP, CHẤP HÀNH DỰ TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN THU, CHI

Điều 32. Lập dự toán

1. Đối với đơn vị nhóm 1 và nhóm 2

a) Hàng năm, căn cứ vào kết quả thực hiện về số lượng, khối lượng dịch vụ; tình hình thu, chi hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và các dịch vụ khác của năm hiện hành; yêu cầu nhiệm vụ của năm kế hoạch, đơn vị lập kế hoạch về số lượng, khối lượng dịch vụ và dự toán thu, chi báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;

b) Đối với dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng: Hàng năm căn cứ đơn giá, số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công được đặt hàng theo hướng dẫn của Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đơn vị lập dự toán gửi cơ quan quản lý cấp trên.

2. Đối với đơn vị nhóm 3: Căn cứ tình hình thực hiện năm hiện hành, nhiệm vụ của năm kế hoạch, đơn vị lập kế hoạch về số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công và dự toán thu, chi báo cáo cơ quan quản lý cấp trên.

3. Đối với đơn vị nhóm 4: Căn cứ tình hình thực hiện năm hiện hành, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao trong năm kế hoạch, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chế độ chi tiêu hiện hành, đơn vị lập dự toán thu, chi gửi cơ quan quản lý cấp trên.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập dự toán thu, chi từ nguồn thu phí được để lại chi theo quy định pháp luật về phí và lệ phí; dự toán chi thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Hàng năm, căn cứ vào dự toán thu, chi do đơn vị sự nghiệp công xây dựng, cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm xem xét, tổng hợp gửi cơ quan tài chính và cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 33. Phân bổ và giao dự toán

1. Việc phân bổ và giao dự toán hàng năm của cơ quan quản lý cấp trên cho đơn vị sự nghiệp công thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Trong đó, đối với đơn vị nhóm 3 và nhóm 4, việc phân bổ và giao dự toán hàng năm căn cứ vào dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định và các yếu tố biến động làm thay đổi dự toán thu, chi của đơn vị.

2. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan quản lý cấp trên phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc, trong đó phân rõ dự toán giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công trực thuộc; đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định) đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; hoặc tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 34. Hạch toán kế toán và quyết toán

1. Đơn vị sự nghiệp công thực hiện chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật hiện hành về kiểm toán nội bộ. Trường hợp đơn vị nhóm 1 xây dựng đề án quản lý, kế toán theo mô hình doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Đơn vị sự nghiệp công báo cáo tài chính hàng năm gửi cơ quan quản lý cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công phải báo cáo quyết toán với cơ quan quản lý cấp trên việc sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp hoặc nguồn viện trợ hoặc nguồn thu phí được *để lại chi theo quy định pháp luật phí và lệ phí* hoặc nguồn khác được để lại theo quy định pháp luật thì đơn vị phải lập báo cáo quyết toán hàng năm, gửi cơ quan quản lý cấp trên hoặc cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định của pháp luật về kế toán và ngân sách nhà nước.

4. Căn cứ tình hình thực tế của các đơn vị sự nghiệp công, việc tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị do cơ quan có thẩm quyền thành lập đơn vị quyết định cho phù hợp và đáp ứng yêu cầu tinh gọn bộ máy kế toán.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công

1. Đơn vị sự nghiệp công xây dựng phương án tự chủ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ

quản lý nhà nước và điều kiện thực tế của đơn vị; báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý) để phê duyệt, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp. Nội dung của phương án tự chủ tài chính cần xác định rõ mức độ tự chủ tài chính theo 04 nhóm đơn vị quy định tại Điều 8 Chương I, Mục 1 và Mục 2 Chương II của Nghị định này. Trong đó:

a) Đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2 tiếp tục thực hiện theo các quy định về cơ chế tự chủ tài chính quy định tại Nghị định này. Đơn vị có trách nhiệm bổ sung hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý) để triển khai việc giao đất đai, tài sản công theo quy định của pháp luật liên quan.

b) Đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4 được thực hiện phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn ổn định 05 (năm) năm, phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế xã hội do Chính phủ quy định.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp công: Đơn vị gửi phương án tự chủ báo cáo đơn vị sự nghiệp cấp trên trực tiếp phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý).

3. Trường hợp chính sách pháp luật của Nhà nước thay đổi hoặc cơ quan có thẩm quyền thay đổi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công, dẫn đến biến động nguồn thu của đơn vị và làm thay đổi mức độ tự chủ tài chính, đơn vị sự nghiệp công báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền để xem xét điều chỉnh mức độ tự chủ tài chính của đơn vị.

Khi rà soát phương án tự chủ tài chính, trường hợp đơn vị sự nghiệp công không có nguồn thu để bảo đảm chi thường xuyên, các Bộ, cơ quan trung ương (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý) thực hiện sắp xếp tổ chức lại, giải thể các đơn vị này theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Sau mỗi thời kỳ ổn định (05 năm), các Bộ, cơ quan trung ương (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý) có trách nhiệm rà soát, nâng mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị nhóm 3 theo lộ trình như sau:

a) Chuyển ít nhất 50% số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên sang đơn vị nhóm 2; hàng năm, thực hiện giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước;

b) Chuyển ít nhất 50% số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 50% đến dưới 70% chi thường xuyên sang đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 70%

đến dưới 100% chi thường xuyên; hàng năm, thực hiện giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

c) Chuyển ít nhất 50% số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 30% đến dưới 50% chi thường xuyên sang đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 50% đến dưới 70% chi thường xuyên; hàng năm, thực hiện giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước;

d) Chuyển ít nhất 50% số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ trên 10% đến dưới 30% chi thường xuyên sang đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 30% đến dưới 50% chi thường xuyên; hàng năm, thực hiện giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

Điều 36. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan Trung ương

1. Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực thực hiện các quy định tại Nghị định này.

2. Trường hợp cần thiết phải ban hành các quy định bổ sung để phù hợp với đặc thù hoạt động của ngành, lĩnh vực, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ; các Đại học quốc gia; Đài Truyền hình Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam; Thông tấn xã Việt Nam căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các quy định bổ sung về cơ chế tự chủ đặc thù của ngành, lĩnh vực.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan trung ương theo quy định tại Điều 5 Nghị định này cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ;

4. Ban hành, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền:

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan để làm cơ sở giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc bộ, cơ quan trung ương; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công.

5. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm trong hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và tổ chức thực hiện các nội dung khác về trách nhiệm quản lý nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công và đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2.

7. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

8. Hàng năm, các bộ, cơ quan trung ương báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc gửi Bộ Tài chính.

Điều 37. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại Điều 5 Nghị định này cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ.

2. Ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan để làm cơ sở giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công.

4. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm trong hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và tổ chức thực hiện các nội dung khác về trách nhiệm quản lý nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công và đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

5. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc gửi Bộ Tài chính.

Điều 38. Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công

1. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật đối với các quyết định thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị.

2. Bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế sử dụng tài sản, quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài chính, kiểm toán nội bộ theo quy định.

4. Thực hiện quy định công khai; trách nhiệm giải trình hoạt động của đơn vị trước cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật. Định kỳ hàng năm, đơn vị có trách nhiệm báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị cho cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

Điều 39. Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác

1. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được áp dụng cơ chế tự chủ đối với đơn vị nhóm 1 quy định tại Nghị định này.

2. Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác tự chịu trách nhiệm quyết định việc áp dụng các quy định tại Nghị định này đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, phù hợp với quy định về chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của tổ chức và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 40. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong giai đoạn 2021-2025, tiếp tục thực hiện lộ trình giảm dần chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (tương ứng với phần tăng thu do điều chỉnh giá dịch vụ và số lượng dịch vụ cung cấp).

2. Đối với các đơn vị đã được giao quyền tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác thì tiếp tục thực hiện theo phương án tự chủ tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến hết năm 2020.

3. Từ năm 2021, các đơn vị sự nghiệp công thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Nghị định này và các quy định sau:

a) Đến ngày 31 tháng 3 năm 2021, đơn vị nhóm 3 và đơn vị nhóm 4 thực hiện báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý) phê duyệt phương án tự chủ tài chính.

b) Đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp.

4. Đơn vị sự nghiệp công đã được Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện về chi thường xuyên và chi đầu tư trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được phân loại là đơn vị nhóm 1 và áp dụng cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định này.

5. Số dư quỹ dự phòng ổn định thu nhập (đã trích lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập); số dư quỹ bổ sung thu nhập (đã trích

lập theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác) đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện như sau:

a) Đối với đơn vị nhóm 1 và đơn vị nhóm 2, số dư được tiếp tục tính vào Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi.

b) Đối với đơn vị nhóm 3, số dư được chuyển vào Quỹ bổ sung thu nhập.

Điều 41. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

2. Các quy định tại các văn bản sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Chương II (Mục 2, Mục 3 và Mục 4) và Chương III Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

c) Chương II (Mục 2, Mục 3 và Mục 4) và Chương III Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

d) Chương III, Chương IV và Chương V Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (3b).

Phụ lục 1

MẪU PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG²⁰

(Ban hành kèm theo Nghị định số ngày tháng năm 2020 của Chính phủ)

- Căn cứ Quyết định số ... của cơ quan quản lý cấp trên quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

- Căn cứ Quyết định số ... của cơ quan quản lý cấp trên giao chỉ tiêu biên chế (nếu có);

- Căn cứ Quyết định số... của cơ quan quản lý cấp trên giao nhiệm vụ của năm ..., chi tiết từng nhiệm vụ được giao;

- Căn cứ Nghị định số ngày của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của của đơn vị sự nghiệp công lập.

I. Phần thứ nhất: Đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ của giai đoạn trước (đối với đơn vị SNCL đã được giao quyền tự chủ tài chính), trường hợp đơn vị mới thành lập thì không phải đánh giá.

1. Về nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng

Trong đó nêu rõ nhiệm vụ chức năng; tổ chức bộ máy để thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng.

2. Về nhiệm vụ được giao, kê chi tiết các nhiệm vụ được giao; nhiệm vụ giao cho các đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ đơn vị tự thực hiện.

Tình hình thực hiện nhiệm vụ, khối lượng công việc hoàn thành, chất lượng các công việc đã hoàn thành: Chi tiết từng nhiệm vụ.

3. Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của nhà nước.

- Về mức thu sự nghiệp: Các khoản phí, lệ phí thu theo văn bản quy định của cấp có thẩm quyền; các khoản thu do đơn vị tự quyết định: nêu cụ thể; thực hiện chính sách miễn giảm theo quy định: nêu cụ thể.

- Tình hình chấp hành các chế độ tài chính; quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; quy định khác (nếu có).

4. Báo cáo về thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn tự chủ.

- Thu, chi hoạt động dịch vụ: Số thu; số chi; chênh lệch thu, chi.

- Kinh phí NSNN giao chi thường xuyên: Dự toán giao; số thực hiện; số kinh phí tiết kiệm được.

- Số phí theo pháp luật về phí và lệ phí được để lại chi theo quy định: Số được để lại chi; số thực hiện; số tiết kiệm được.

5. Phân phối chênh lệch thu chi thường xuyên, trong đó:

²⁰ Dùng cho đơn vị sự nghiệp cấp III báo cáo cơ quan quản lý cấp trên

- Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.
- Trích lập quỹ bổ sung thu nhập, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ khác (nếu có).

6. Thu nhập tăng thêm của người lao động.

7. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

II. Phần thứ hai: Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn tiếp theo.

1. Về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng: Báo cáo như điểm 1 phần I nêu trên.

2. Về dự kiến nhiệm vụ được giao, kê chi tiết từng nhiệm vụ; nhiệm vụ giao cho các đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ đơn vị tự thực hiện.

3. Về dự toán thu, chi:

3.1. Dự toán thu, chi thường xuyên:

a) Về mức thu sự nghiệp, thu dịch vụ:

- Báo cáo các khoản thu phí, lệ phí theo pháp luật về phí và lệ phí; mức thu phí, lệ phí theo văn bản nào; chế độ miễn, giảm.

- Các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định: nêu cụ thể.

- Các khoản thu do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo quyết định của cơ quan quản lý cấp trên, theo từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công, đơn giá sản phẩm (trong trường hợp xác định được khi xây dựng phương án tự chủ).

b) Về nguồn thu để chi thường xuyên:

- Nguồn thu từ hoạt động cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công; nguồn thu hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí (Phần được để lại chi thường xuyên trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí)

- Nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN: Chi tiết từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công, theo số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công và đơn giá (trong trường hợp xác định được danh mục và đơn giá).

- Nguồn NSNN cấp chi thường xuyên đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

- Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi thường xuyên đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí (không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác) do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (nếu có).

- Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có).

c) Chi thường xuyên

- Chi hoạt động cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác.
- Chi thường xuyên trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí.
- Chi hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công từ nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ (trường hợp xác định được danh mục mới phải báo cáo).
- Chi thường xuyên bộ máy (đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên).
- Chi hoạt động khác (nếu có).

d) Dự kiến chênh lệch thu, chi thường xuyên (nếu có).

3.2. Dự toán chi nhiệm vụ không thường xuyên: Nguồn tài chính chi nhiệm vụ không thường xuyên; chi nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn)

Đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (báo cáo cả dự kiến nguồn thu, chi đầu tư).

3.3. Về biểu số liệu báo cáo: Số liệu báo cáo thu, chi thường xuyên; nhiệm vụ không thường xuyên: Các năm trước; năm đầu thời kỳ ổn định phân loại đơn vị (đơn vị lập theo mẫu biểu quy định tại Phụ lục 2, Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị định này).

4. Xác định mức độ tự chủ tài chính

Căn cứ vào dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định và nội dung hướng dẫn tại Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày của Chính phủ, đơn vị xác định phân loại đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định số và số kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên bộ máy; kinh phí nhà nước đặt hàng (nếu có); kinh phí chi thường xuyên từ nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí phần được để lại cho đơn vị sự nghiệp chi hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (nếu có).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

HƯỚNG DẪN CÁCH XÁC ĐỊNH MỨC TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG
(Ban hành kèm theo Nghị định số ngày tháng năm 2020 của Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tình hình tài chính trong 05 năm trước liền kề					Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....) ²⁵
		Thực hiện năm ²⁶	Thực hiện năm ²⁶	Thực hiện năm ²⁶	Thực hiện năm ²⁶	Năm....	
I	Nguồn thu (A)						
1	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:						
1.1	Thu từ nguồn NSNN đầu tư cung cấp dịch vụ						
1.2	Nguồn thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền, ...)						
2	Nguồn thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ)						
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN (Chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)						
4	Số thu phí được để lại theo quy định						
5	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)						
II	Chi thường xuyên giao tự chủ để thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (B)						
1	Chi tiền lương, tiền công						
2	Chi hoạt động chuyên môn						
3	Chi quản lý						
4	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)						
III	Tỷ lệ đảm bảo chi thường xuyên (%) = A/B*100%	%	%	%	%	%	%

²⁵ Năm xây dựng phương án tự chủ tài chính

²⁶ Lấy theo số liệu quyết toán các năm

